



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Thông điệp từ Chủ tịch HĐQT **03**

ITD năm 2022 **04**

- Tầm nhìn, sứ mệnh, và giá trị cốt lõi 05
 - Tình hình tài chính nổi bật 2022 06
 - Hoạt động tài chính 2018-2022 08
-

Tổng quan về ITD **09**

- Thông tin chung 10
 - Lịch sử hình thành và phát triển 11
 - Ngành nghề kinh doanh 13
 - Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý 14
 - Thông tin vốn cổ phần và cổ đông 15
-

Phân tích hoạt động kinh doanh **16**

- Đánh giá BGD về kết quả kinh doanh 2022 17
 - Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD công ty 19
 - Kế hoạch và định hướng của HĐQT 22
 - Đánh giá của HĐQT độc lập 25
-

Báo cáo quản trị **26**

- Quản trị công ty năm 2022 27
 - Tổ chức và nhân sự 42
 - Quản trị rủi ro 44
-

Báo cáo phát triển bền vững **46**

Báo cáo tài chính **48**

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thân gửi quý cổ đông, quý khách hàng, quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong (ITD),

Năm 2022 là một năm có nhiều biến động bất ổn trên thế giới: chiến tranh, khủng hoảng năng lượng, FED liên tục tăng lãi suất, hàng loạt ngân hàng tại Mỹ tuyên bố phá sản, kinh tế thế giới đang trên đà suy thoái. Thêm vào đó, kinh tế trong nước cũng đối mặt với nhiều khó khăn: bất động sản đóng băng, hệ thống tài chính tắc nghẽn bởi sự mất thanh khoản của thị trường trái phiếu, đầu tư công rất chậm giải ngân, xuất khẩu cũng như tổng cầu trong nước sụt giảm nghiêm trọng... cũng ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp.

Như đại đa số các doanh nghiệp khác, ITD rơi vào trong bối cảnh có rất ít dự án để tham gia, kết quả kinh doanh sụt giảm mạnh. Mặc dù ban lãnh đạo và nhân viên có nỗ lực rất nhiều trong điều kiện không thuận lợi, tuy nhiên kết quả kinh doanh năm 2022 không đạt được kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc về công ty mẹ dù doanh thu đạt 107% kế hoạch và tăng trưởng gấp 1,4 lần so với cùng kỳ 2021. Là người được tín nhiệm bầu vào vị trí chủ tịch HĐQT của ITD năm 2022, tôi thay mặt HĐQT xin nhận trách nhiệm khi chưa cùng Ban Điều Hành thực hiện được các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông ITD giao phó.

Nguyên nhân chính gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của ITD là do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường. Về nội tại, các lĩnh vực kinh doanh của ITD còn bó hẹp trong những thị trường ngách có qui mô nhỏ dẫn đến khó mở rộng; mô hình kinh doanh chủ yếu theo hình thức B2G và B2B nên doanh thu trở sụt theo từng dự án, thiếu tính ổn định qua các giai đoạn; phương thức kinh doanh chưa đổi mới, chưa kịp thời nắm bắt các thay đổi nhanh chóng của thị trường và khách hàng.

Tuy nhiên, điểm sáng trong năm 2022 là việc hoàn thành dự án xây dựng trung tâm dữ liệu cho VNG tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) - công ty con của ITD đã đem lại sự bứt phá mạnh về doanh thu cho ITD Group và uy tín của GLT trong việc triển khai thành công dự án Datacenter với quy mô lớn. Việt Nam được đánh giá là một trong 100 thị trường mới nổi về Data Center với tốc độ tăng trưởng về chuyển đổi số ấn tượng, nhu cầu cho data center trong nước được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng kép hàng năm gần 15% cho đến năm 2026. Nhờ vậy, đây sẽ là mảng kinh doanh triển vọng cho GLT trong 3 – 5 năm tới.

Bên cạnh đó, vào cuối năm tài chính 2022, ITD đón nhận thêm thành viên mới – công ty Larion – với bề dày 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực gia công phần mềm. Với sự gia nhập của Larion sẽ giúp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh giải pháp và gia tăng hàm lượng phần mềm trong các giải pháp giao thông thông minh và các giải pháp trong lĩnh vực khác mà ITD đang và sẽ triển khai.

“Let’s Transform” (Hãy chuyển đổi) tiếp tục là chủ đề của năm 2023, thể hiện chiến lược mà HĐQT xác định cho ITD Group.

Với những kinh nghiệm đúc rút được trong năm 2022, các công ty cần tiếp tục tăng cường năng lực cạnh tranh và tìm kiếm những cơ hội mới để phát triển, nghiêm túc xem xét và thích ứng với sự biến đổi của thị trường và khắc phục các yếu điểm trong hoạt động kinh doanh. Tôi tin rằng với sự đoàn kết và nỗ lực không ngừng của toàn thể nhân viên, ITD Group có thể vượt qua những thách thức hiện tại, nghiên cứu thành công giải pháp mang thương hiệu riêng của mình ra thị trường, giảm dần phụ thuộc vào các mảng kinh doanh theo dự án và đạt được thành công bền vững trong tương lai.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời tri ân đến đội ngũ ITD đã không ngừng nỗ lực trong năm 2022 và lời cảm ơn chân thành cho sự tin tưởng, đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác trong thời gian vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT ITD

01

**ITD
NĂM 2022**



Tầm Nhìn

Trở thành Tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam, nơi cung cấp và kết nối các cơ hội sáng tạo trong việc tiên phong ứng dụng thành công tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào cuộc sống.



Sứ Mệnh

Chúng tôi tự hào đóng góp vào sự thành công của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm kỹ thuật cao, các giải pháp tích hợp công nghệ mới và dịch vụ xuất sắc.

Giá Trị Cốt Lõi

01 | Hoài Bão

Chúng tôi luôn khát vọng làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn thông qua việc triển khai áp dụng những công nghệ mới.

02 | Đổi Mới

Chúng tôi luôn nỗ lực, bền bỉ, không ngại nghỉ trong việc học hỏi, đổi mới, sáng tạo và tiên phong trong mọi hoạt động.

03 | Chuyên Nghiệp

Chúng tôi luôn hoàn thành công việc một cách chuyên nghiệp, đúng cam kết và với tinh thần trách nhiệm cao.

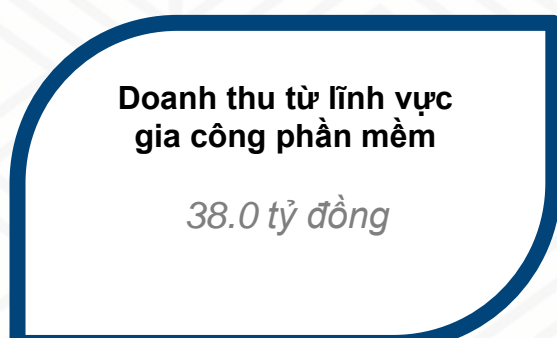
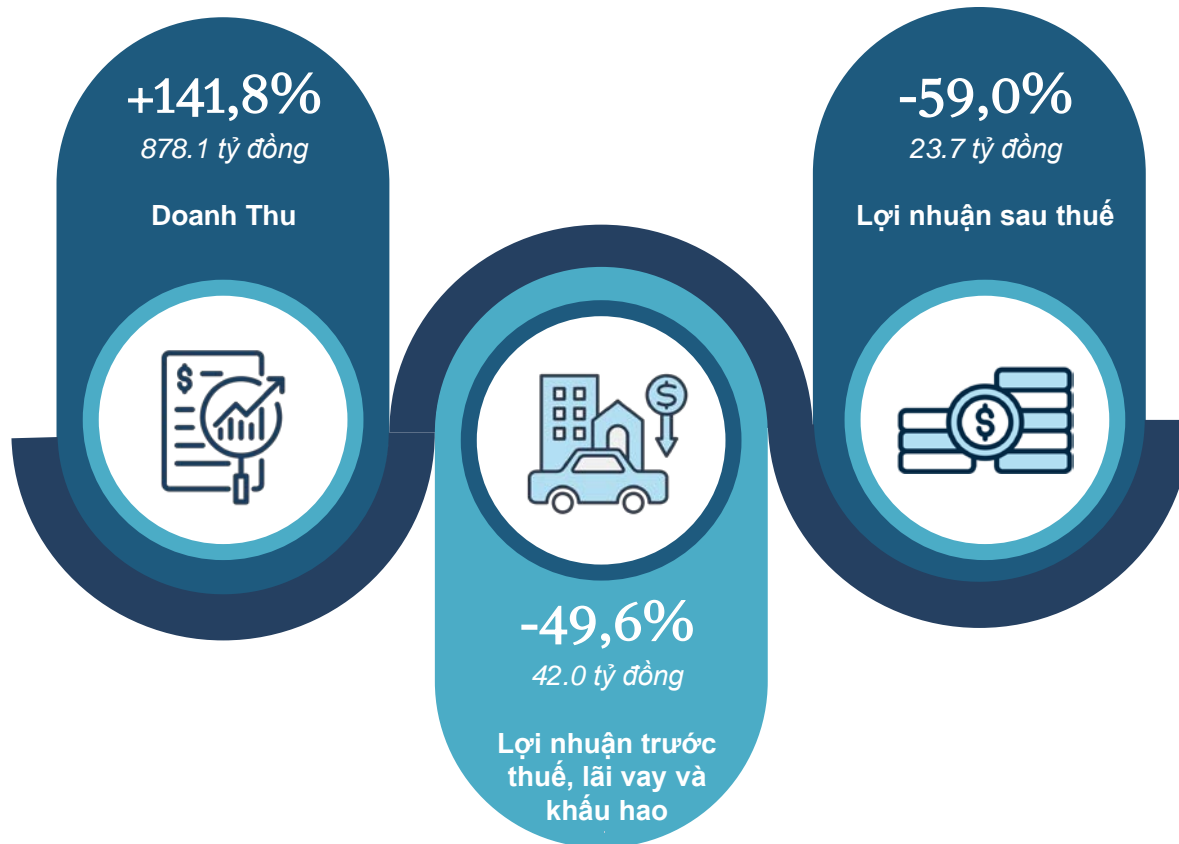
04 | Thành Tích

Chúng tôi luôn gắn liền sự phát triển của công ty với những thành tích làm thỏa mãn khách hàng, đối tác, cổ đông và mang lại thành đạt cho mỗi thành viên tập đoàn.

05 | Đồng Đội

Chúng tôi luôn tin tưởng, tôn trọng và phối hợp với đồng nghiệp, qua đó bổ sung kiến thức kỹ năng cho nhau, giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ và cùng phát triển nghề nghiệp.

Tình hình tài chính 2022



Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản

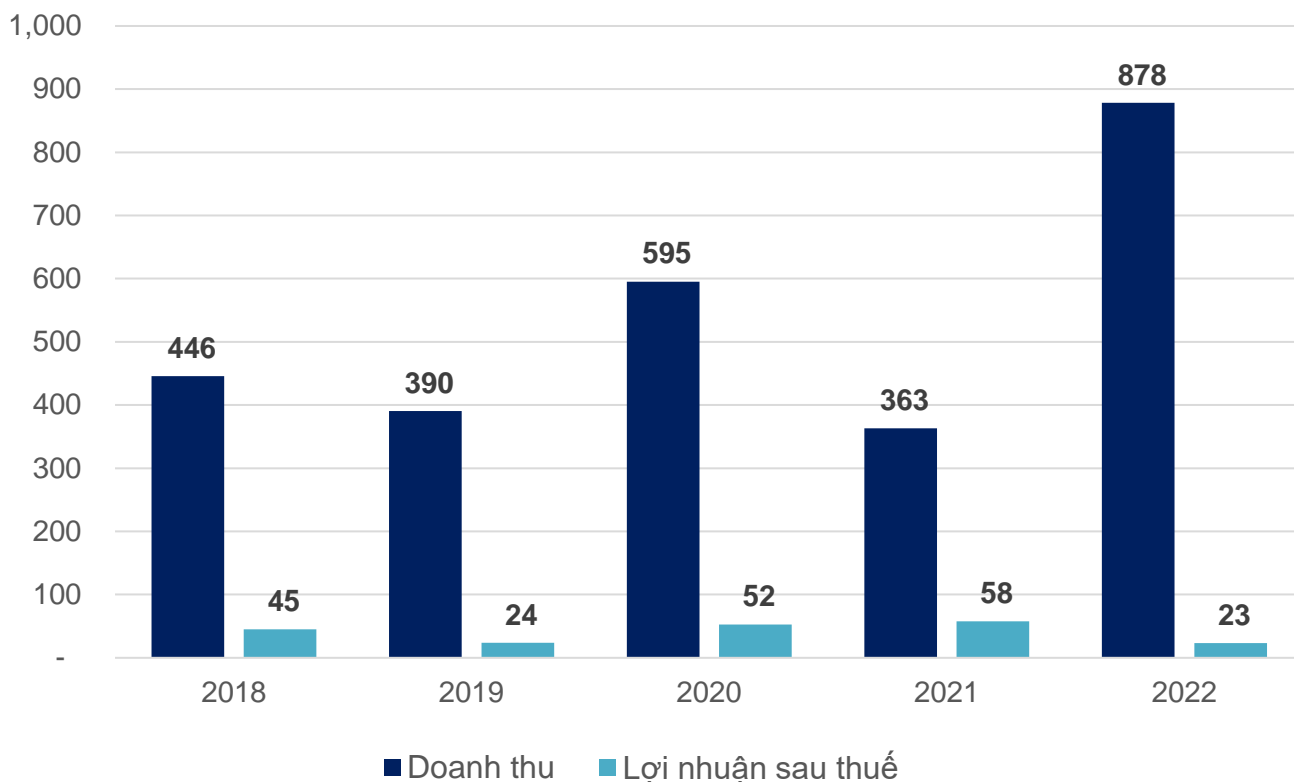
Đơn vị: Triệu đồng

	2021	2022	% tăng/giảm
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh			
Doanh thu	363,151	878,132	+141.8%
Giá vốn	267,933	746,438	+178.6%
Lợi nhuận gộp	95,218	131,693	+38.3%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	70,968	31,684	-55.4%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	83,233	41,955	-49.6%
Lợi nhuận sau thuế	57,792	23,695	-59.0%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,179	183	-84.5%
Bảng Cân Đối Kế Toán			
Tài sản ngắn hạn	556,983	488,643	-12.3%
Tài sản dài hạn	70,276	165,928	+136.1%
Tổng tài sản	627,258	654,571	+4.4%
Nợ ngắn hạn	227,942	230,910	+1.3%
Nợ dài hạn	8,709	9,775	+12.2%
Tổng Nợ	236,651	240,684	+1.7%
Vốn chủ sở hữu	390,607	413,887	+6.0%
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ			
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	44,939	(17,199)	-138.3%
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	13,578	7,691	-43.4%
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	(28,739)	(14,092)	-50.9%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.44	2.12	
Hệ số thanh toán nhanh	2.15	1.88	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ tổng tài sản	0.40	0.37	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.61	0.58	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	3.53	12.13	
Doanh thu thuần/ tổng tài sản	0.60	1.37	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.16	0.03	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.16	0.06	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.09	0.04	
Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu	0.20	0.04	

Kết quả hoạt động tài chính 2018-2022

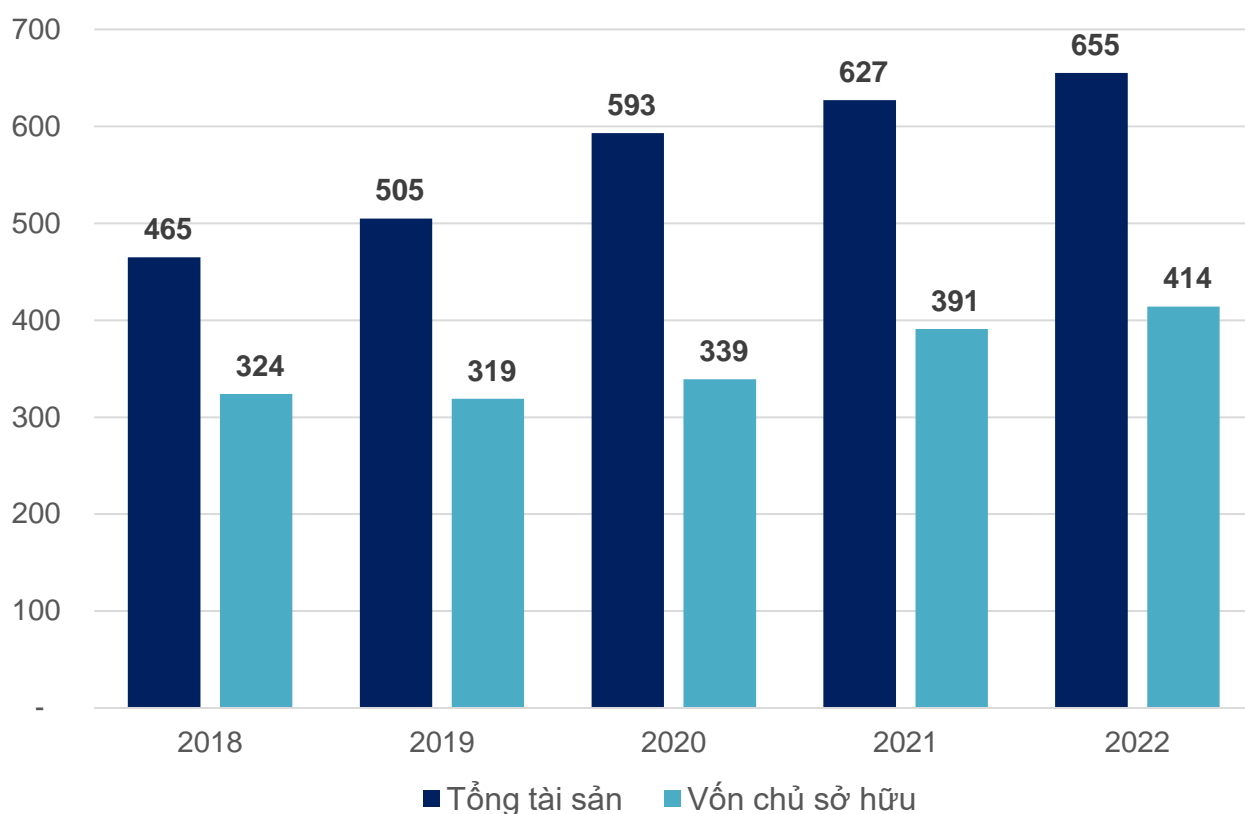
Doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất

Tỷ đồng



Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Tỷ đồng



02

TỔNG QUAN VỀ ITD

TỔNG QUAN VỀ ITD

Thông tin chung

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong
Tên giao dịch:	Innovative Technology Development Corporation (viết tắt: ITD)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/01/1999
Vốn Điều lệ:	245.335.910.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	245.335.910.000 đồng
Địa chỉ:	Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
Số điện thoại:	(028) 3770 1114
Số fax:	(028) 3770 1116
Website:	www.itd.com.vn
Mã cổ phiếu:	ITD



Lịch sử hình thành và phát triển

1994

Thành lập Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Tin học và Điều khiển CATIC tiền thân của ITD bởi một nhóm nhà khoa học trẻ.

1996

Thành lập

- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến (AIT)

1997

Thành lập

- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính (ST).

1999

Thành lập

- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh (QMC)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (ITD)

2011

- ITD niêm yết trên sàn chứng khoán TP HCM (HOSE).
- Khánh thành Tòa nhà văn phòng ITD Building

2009

- GLT niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX).

2007

Thành lập

- Công ty TNHH Global - Sitem (GSC)

2006

Thành lập

- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông

Lịch sử hình thành và phát triển

2014

- Tái cơ cấu Tập đoàn thành 4 lĩnh vực chính: ITS, ICT, ETI và ECI.
- Ký hợp đồng thầu phụ với liên doanh Toshiba – Hitachi – Itochu về triển khai hệ thống ITS trên Cao tốc HCM – Long Thành – Dầu Giây.

2022

- Hoàn tất triển khai và nghiệm thu dự án xây dựng trung tâm dữ liệu (Data Center) cho VNG.
- Nghiên cứu ứng dụng AI vào các giải pháp trong lĩnh vực giao thông và phát triển thêm các giải pháp khác.
- Hoàn tất góp vốn đầu tư 51% vào Công ty Larion, đẩy mạnh kinh doanh giải pháp và phần mềm.

2015

- Trúng thầu gói EX13 dự án cao tốc Hà Nội – Hải Phòng trị giá 764 tỷ đồng, trong đó giá trị công việc ITD cung cấp chiếm 50,18%.

2021

- Trúng thầu dự án xây Trung tâm dữ liệu (Data Center) cho VNG giai đoạn I với giá trị 632 tỷ.

2018

- Ký kết thành công dự án lớn - thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc – Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên với chủ đầu tư Công ty TNHH thu phí tự động VETC.

2020

Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm như:

- Cung cấp, lắp đặt thiết bị thu phí ô tô tại 17 Cảng hàng không.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống thu phí ETC trạm thu phí Đèo Cả, Cù Mông, Becamex, ...
- Thu phí Dịch vụ Sử dụng Đường bộ Tự động Không dừng giai đoạn 2 (BOO2).

TỔNG QUAN VỀ ITD

Ngành nghề kinh doanh

ITD là công ty cung cấp thiết bị và dịch vụ công nghệ thông tin với mục tiêu trở thành nhà cung cấp hạ tầng số hàng đầu tại Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của ITD tập trung chuyên sâu trong 4 lĩnh vực:

1 | Giải pháp tích hợp viễn thông – tin học

Chuyên tích hợp hệ thống cho các dự án B2B và B2G, đầu tư cung cấp và kinh doanh các giải pháp mới. Bên cạnh đó phát triển, triển khai các phần mềm và giải pháp Digital Transformation cho tập đoàn trên nền tảng Platform, SaaS theo định hướng B2B hoặc B2C.

2 | Gia công phần mềm

Cung cấp dịch vụ gia công xuất khẩu phần mềm, thiết lập mới và đẩy mạnh các dịch vụ về BPO và gia công phần mềm trong nước.

3 | Hạ tầng kỹ thuật điện

Cung cấp giải pháp trong các lĩnh vực chống sét, năng lượng xanh, các giải pháp tích hợp cho hệ thống trung tâm dữ liệu, đầu tư hạ tầng viễn thông và các loại hình cơ sở điện, hạ tầng khác cũng như cung cấp dịch vụ bảo hành bảo trì chất lượng cao.

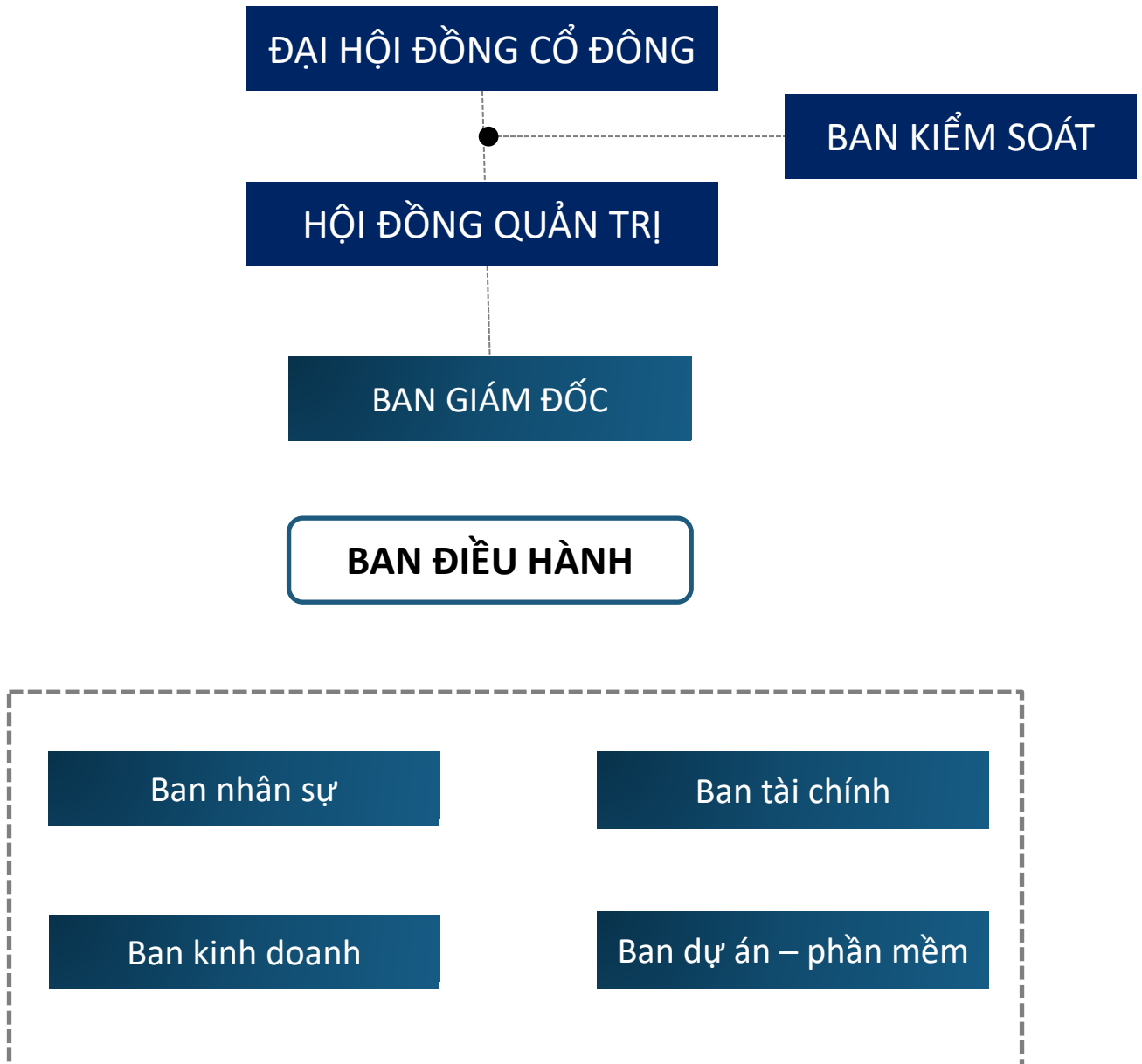
4 | Điện tự động

Cung cấp giải pháp kỹ thuật, dịch vụ để đo lường, tự động hóa các thiết bị, hệ thống điện trong các nhà máy, cung cấp giải pháp MES trong công nghiệp.

Địa điểm kinh doanh

Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM.

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



TỔNG QUAN VỀ ITD

Thông tin vốn, cổ phần và cổ đông

Thông tin vốn và cổ phần

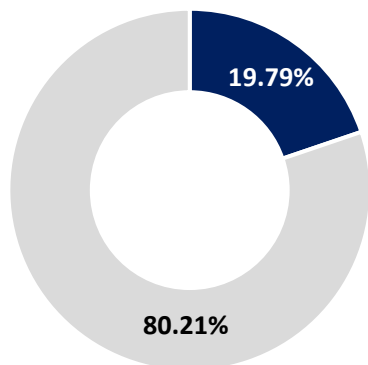
Vốn điều lệ: 245.335.910.000 đồng

Khối lượng cổ phiếu đã phát hành	24.533.591
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.461.403
Khối lượng cổ phiếu quỹ	72.188
Mệnh giá	10.000 VNĐ

Cơ cấu cổ đông

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn (>=5%)	3	4.841.619	19,79%
Cổ đông khác (<5)	3.474	19.619.784	80,21%
Tổng cộng	3.477	24.461.403	100,00%

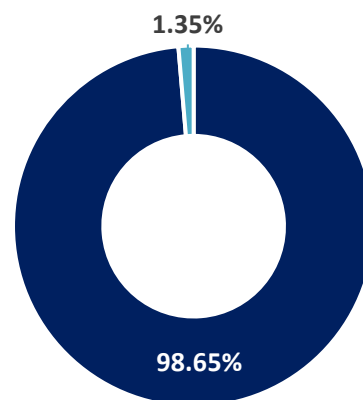
■ Cổ đông lớn (>=5%) ■ Cổ đông khác (<5%)



Tên cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Mai Hoài An	2.029.610	8,30%
Nguyễn Ngọc Trung	1.467.073	6,00%
Doãn Thị Bích Ngọc	1.344.936	5,50%

■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	3.399	24.130.398	98,65%
Cổ đông nước ngoài	78	331.005	1,35%
Tổng	3.477	24.461.403	100,00%



Thay đổi vốn chủ sở hữu

Phát sinh thay đổi vốn CSH do phát hành thêm 2.126.364 cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và 1.063.573 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Vốn CSH tăng từ 213.436.540.000 đồng lên 245.335.910.000 đồng.

03

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2022

Bối cảnh

Năm 2022 là một năm khó khăn không chỉ với ITD mà cho toàn thể doanh nghiệp Việt Nam nói chung khi cùng lúc phải đối mặt với áp lực lạm phát cùng với những khó khăn của thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp. Việc tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp trong quý 4/2022 cũng rất khó khăn khi nhiều tổ chức tín dụng đã hết “room” trong khi diễn biến lãi suất và tỷ giá ngày càng phức tạp.

Đánh giá kết quả kinh doanh

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính trong năm 2022

Chỉ tiêu	2021	2022	+Tăng/ -Giảm
Tổng giá trị tài sản	627.258	654.571	+4.4%
Doanh thu kinh doanh hợp nhất	363.151	878.132	+141.8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	70.968	31.684	-55.4%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	57.792	23.695	-59.0%
Lợi nhuận trước thuế	73.056	32.580	-55.4%
Lợi nhuận sau thuế	57.792	23.695	-59.0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	0%	-100.0%

Trong bối cảnh trên, ITD Group đã rất cố gắng duy trì chi phí vận hành hoạt động ở mức tối thiểu và đẩy mạnh tìm kiếm thêm các hợp đồng, dự án mới nhằm đảm bảo nguồn doanh thu. Mặc dù ban lãnh đạo và nhân viên đã nỗ lực rất nhiều trong điều kiện không thuận lợi nhưng kết quả kinh doanh năm 2022 không đạt chỉ tiêu ĐHCĐ 2022 đã giao, cụ thể:

- Doanh thu thuần hợp nhất là 878 tỷ, đạt 107% kế hoạch doanh thu cả năm, tăng 142% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 4.3 tỷ, đạt 14% kế hoạch và giảm đến 84% so với cùng kỳ 2021.

Tuy doanh thu đạt vượt kế hoạch kế hoạch và tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận hợp nhất của công ty mẹ lại không đạt kế hoạch và sụt giảm so với cùng kỳ chủ yếu do:

- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu hoàn tất nghiệm thu dự án của VNG, ghi nhận doanh thu 573 tỷ đồng, dẫn đến doanh thu tăng 142% so với kỳ năm trước nhưng lãi gộp tăng trưởng 38% (thấp hơn tỷ lệ tăng trưởng doanh thu).
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm gần 54 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 90%, đây là doanh thu đến từ việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu trong năm 2021.
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 29 tỷ đồng tương ứng tăng 37% do ghi nhận các biến phí tăng theo doanh thu từ dự án VNG tại công ty Toàn Cầu và giá trị trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại công ty mẹ.

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2022

Các sự kiện chính trong năm 2022

- Tháng 04/2022: HĐQT quyết định đầu tư 45% cổ phần công ty Larion và quyền chọn mua 6% vào thời điểm tháng 01/2023 nhằm mục đích tăng cường hoạt động đổi mới sáng tạo với việc xây dựng các giải pháp phần mềm là năng lực cốt lõi.
- Tháng 10/2022: tạm dừng việc phát hành 25% cổ phiếu.
- Tháng 11/2022: Hội đồng quản trị và đội ngũ quản lý của tập đoàn đã xem xét, rà soát chiến lược 2020 – 2025, quyết định cần phải thay đổi cách thức quản trị chiến lược, rút ngắn các giai đoạn lập kế hoạch từ 5 năm xuống 2 năm nhằm đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thị trường.
- Tháng 02/2023: Hoàn thành đầu tư 51% cổ phần Công ty Larion, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh giải pháp và phần mềm tại công ty mẹ.
- Tháng 02/2023: Hoàn tất tăng vốn điều lệ công ty thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP cho nhân viên.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Năm 2022, Tổng tài sản của Tập đoàn là 655 tỷ đồng tăng 27 tỷ đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn (489 tỷ đồng) giảm hơn 68 tỷ đồng, Tài sản dài hạn (166 tỷ đồng) tăng 96 tỷ đồng. Các nguyên nhân chính làm tăng/giảm tài sản của Tập đoàn trong kỳ là:

- Các khoản phải thu trong kỳ (294 tỷ đồng) giảm 32 tỷ so với đầu năm, phần lớn đến từ khoản ứng trước cho nhà cung cấp và tăng dự phòng phải thu ngắn hạn.
- Hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho (55 tỷ đồng) giảm hơn 12 tỷ so với số đầu năm do trong kỳ các dự án/công trình dở dang đã được hoàn thành/nghiệm thu.
- Tài sản dài hạn khác (85 tỷ đồng) tăng gần 82 tỷ so với đầu năm do ghi nhận giá trị đầu tư vào công ty các công ty Larion và Intelnet.

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/03/2023 tổng nợ phải trả của Tập đoàn là 241 tỷ đồng tăng 4 tỷ so với đầu năm. Trong đó, khoản nợ ngắn hạn (231 tỷ đồng) tăng 3 tỷ và nợ dài hạn (10 tỷ đồng) tăng 1 tỷ.

- Nợ ngắn hạn tăng 3 tỷ chủ yếu do giảm các khoản ứng trước từ nhà cung cấp, giảm vay ngân hàng và nợ thuê tài chính ngắn hạn, tăng khoản phải trả cho người bán ngắn hạn.
- Nợ dài hạn tăng 1 tỷ đồng chủ yếu do tăng khoản dự phòng phải trả dài hạn.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình đầu tư

- Hoàn tất góp vốn đầu tư 51% vào Công ty Larion, đẩy mạnh kinh doanh giải pháp và phần mềm.
- Hoàn tất góp vốn giai đoạn 01 vào Công ty Intelnet (03 tỷ).

Tình hình thực hiện các dự án

- Hoàn thành nghiệm thu dự án xây dựng trung tâm dữ liệu Data Center cho VNG với giá trị 573 tỷ đồng.

Đánh Giá Của HĐQT Về Hoạt Động Của Ban Giám Đốc Công Ty

Danh sách các công ty con

Tên Công Ty	Lĩnh vực	Vốn thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty CP Tin học Siêu Tính	Cung cấp 1) Giải pháp quản lý chuỗi cung ứng; 2) Giải pháp an ninh.	9.973	98,80%	98,80%
Công ty CP Công nghệ Tự động Tân Tiến	1) Cung cấp giải pháp tự động hóa ứng dụng các công nghệ trong kỹ thuật điều khiển cho các ngành công nghiệp; 2) Phân phối sản phẩm thiết bị, tự động hóa điện và đo lường.	18.891	88,98%	88,98%
Công ty CP Cơ điện Thạch Anh	Cung cấp 1) Thiết bị lưới điện trung cao thế; 2) M&E trong xây dựng cao ốc và nhà máy; 3) Sản phẩm và giải pháp tiếp địa.	70.460	78,21%	78,21%
Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Cung cấp 1) Giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu; 2) Giải pháp chống sét; 3) Nguồn (chỉnh lưu, accu, UPS); 4) Dịch vụ cho BTS; 4) Đầu tư hạ tầng viễn thông di động.	100.495	50,42%	50,42%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Xây dựng giải pháp phần mềm tích hợp, phần mềm có thể chỉnh sửa theo đặc thù của từng khách hàng.	20.000	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Global Sitem	Cung cấp giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu.	15.000	32,15%	63,75%
Công ty CP In No	Sản xuất phần mềm. Tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm.	15.000	50,40%	99,96%
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học.	9.000	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Sản xuất phần mềm tin học.	10.638	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Sản xuất phần mềm tin học.	900	29,67%	58,17%

Công ty Bestarion là công ty con của công ty Larion.

Đánh Giá Của HĐQT Về Hoạt Động Của Ban Giám Đốc Công Ty

Chỉ tiêu tài chính cơ bản của các Công ty con tại thời điểm 31/03/2023

Đơn vị: Triệu đồng (riêng EPS tính bằng đồng)

Công Ty	Tổng tài sản	VCSH bình quân	Doanh thu thuần	LN từ HĐ SXKD	LN trước thuế	LN sau thuế	ROE (%)	EPS
Hợp nhất Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu	267.383	142.822	645.680	33.196	32.376	25.781	18,1%	2.465
Công ty CP Tin học Siêu Tính	12.852	10.512	12.354	1.540	1.514	1.514	14,4%	1.528
Công ty CP Công nghệ Tự động Tân Tiến	76.041	22.936	61.926	2.596	2.873	2.255	9,8%	1.194
Công ty CP Cơ điện Thạch Anh	11.168	6.933	-	533	533	426	6,1%	61
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	20.993	20.600	-	(6)	(12)	(12)	-0,1%	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	6.684	10.605	1.858	(3.798)	(3.788)	(3.788)	-35,7%	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion (*)	55.378	19.397	129.437	33.652	33.696	29.219	150,6%	26.395

(*) Số liệu Larion lấy theo năm tài chính công ty (01/01/2022 – 31/12/2022)

CÔNG TY CP KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Trải qua 26 năm phát triển, Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) tự hào là đơn vị hàng đầu Việt Nam có uy tín trong việc tư vấn, thiết kế, cung cấp thiết bị và các giải pháp tiên tiến trong lĩnh vực chống sét, năng lượng xanh, tích hợp giải pháp hệ thống trung tâm dữ liệu, đầu tư hạ tầng viễn thông cũng như cung cấp dịch vụ bảo trì chất lượng cao. Trong năm 2022 kết quả kinh doanh đạt được của Công ty như sau:

- Doanh thu: 646 tỷ đồng (+284% so với 2021)
- Lợi nhuận sau thuế: 26 tỷ đồng (-56% so với 2021)

Mặc dù lợi nhuận tăng trưởng vượt trội chủ yếu đến từ việc triển khai hợp đồng xây dựng trung tâm dữ liệu (Data Center) cho VNG nhưng do giá vốn tăng cao dẫn đến dự án không đem lại nhiều lợi nhuận như kỳ vọng. Tuy vậy, với việc nhu cầu cho Data Center được dự báo tiếp tục tăng mạnh từ cả các khách hàng trong và ngoài nước, đây vẫn là mảng kinh doanh đầy tiềm năng mà GLT sẽ tập trung trong 3-5 năm tới.

CÔNG TY CP TIN HỌC SIÊU TÍNH

Kết quả kinh doanh trong năm 2022 của Siêu Tính có sự cải thiện trở lại so với cùng kỳ:

- Doanh thu: 12 tỷ đồng (+87% so với 2021)
- Lợi nhuận sau thuế: 1.5 tỷ đồng (+150% so với 2021)

Siêu Tính cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực smart security, smart retail, smart.

Đánh Giá Của HĐQT Về Hoạt Động Của Ban Giám Đốc Công Ty

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG TÂN TIẾN

Hoạt động trong lĩnh vực điện – điện tự động hóa trong các nhà máy, năm 2022 ghi nhận sự tăng trưởng nhẹ về doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- Doanh thu: 62 tỷ đồng (+18% so với 2021)
- Lợi nhuận sau thuế: 2.3 tỷ đồng (+36% so với 2020)

HĐQT công ty chủ trương định hướng chiến lược và xác định cần nắm vững kiến thức về công nghệ và tiếp tục triển khai giải pháp trong các nhóm ứng dụng sau:

- Energy efficiency: Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.
- Oil and Gas (O&G): Khai thác, chế biến dầu khí và các sản phẩm hóa dầu.
- F&B: Chế biến và phân phối thực phẩm và đồ uống.

CÔNG TY CP TƯ VẤN & PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM LARION

Là thành viên mới của ITD Group hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm tin học, năm 2022 Larion hợp nhất doanh thu và lợi nhuận về tập đoàn kể từ thời điểm nắm quyền kiểm soát như sau (số liệu lấy theo năm tài chính công ty từ 01/01/2022 – 31/12/2022):

- Doanh thu: 129.4 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 29.2 tỷ đồng

HĐQT công ty định hướng mục tiêu doanh thu tăng gấp 2 sau 3 năm thông qua việc mở rộng hoạt động marketing, bán hàng qua các thị trường Mỹ, Úc, Canada, Châu Âu; Thành lập các văn phòng kinh doanh, hợp tác với các đối tác chiến lược để thành lập mới các công ty liên kết và khối DevOps ở các thị trường trên.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Trong năm 2022 với tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt cùng với việc Nhà nước thi hành chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát, hoạt động sản xuất kinh doanh của ITD đã bị ảnh hưởng ít nhiều, cụ thể:

- Doanh thu: 127 tỷ đồng (-12% so với 2021)
- Lợi nhuận sau thuế: 16 tỷ đồng (+115% so với 2021)

Trong năm 2023 Công ty sẽ tăng cường mở rộng phạm vi kinh doanh, tìm kiếm và đẩy mạnh đầu tư ứng dụng AI vào các giải pháp hiện hữu góp phần gia tăng lợi thế cạnh tranh trong các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như Giao thông thông minh, Viễn thông tin học.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ chú trọng đầu tư xây dựng các giải pháp công nghệ thông tin triển khai theo mô hình kinh doanh SaaS-IaaS, kinh doanh trên nền tảng cloud cho phép tạo ra lượng khách hàng lớn, là cơ sở phát triển các hệ sinh thái ứng dụng trong dài hạn.

TỔNG KẾT

Năm 2022 tiếp tục là một năm đầy khó khăn, biến động không chỉ với Tập đoàn ITD nói riêng mà của tất cả doanh nghiệp Việt Nam nói chung. Tại ITD, việc chưa có nhiều bứt phá trong hoạt động kinh doanh cũng như sự khó khăn trong việc biến đổi mô hình, đầu tư và quản lý đã dẫn đến sự giảm sút về doanh thu và thị phần của ITD.

Năm 2023, chúng tôi tiếp tục nỗ lực tìm ra hướng đi mới trong công ty. Ngoài ra, ban lãnh đạo cũng tìm kiếm các cơ hội M&A tại các doanh nghiệp có đội ngũ nhân lực tốt, tăng trưởng cao, phù hợp với chiến lược phát triển lâu dài cho ITD Group.

Kế Hoạch Và Định Hướng Của HĐQT

Giữ vai trò đại diện quyền lợi cho cổ đông ITD, HĐQT đương nhiệm đã tích cực thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cụ thể trong năm, HĐQT đã thông qua các nội dung như sau:

- ✓ Thông qua định hướng hoạt động của công ty trong năm tài chính 2022. Thực hiện họp định kỳ hàng quý, xem xét thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và cả năm. Giám sát tình hình tuân thủ các qui định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh của công ty;
- ✓ Rà soát chiến lược công ty nhằm đáp ứng các thách thức của thị trường. Giao TGD triển khai đến các công ty thành viên trong tập đoàn;
- ✓ Quyết định nguyên tắc tham dự thầu đối với các gói thầu có giá trị lớn và xem xét đánh giá các dự án tiềm năng. Xem xét tiến độ thực hiện, kiểm soát chi phí và rủi ro các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- ✓ Hoàn tất việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30/06/2022. Theo đó, hoàn tất việc đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung, vốn điều lệ công ty sau phát hành là 245.335.910.000 đồng.
- ✓ Tạm dừng triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 25% tương ứng 5.317.866 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30/06/2022.
- ✓ Hoàn tất đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion, theo đó ITD đạt tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ tại công ty Larion.
- ✓ Ủy quyền TGD phê duyệt từng trường hợp cụ thể các giao dịch thường xuyên trong năm 2023 giữa các công ty thành viên trên tinh thần tối ưu nguồn lực Tập đoàn, bao gồm: cho thuê văn phòng ITD Building, quản trị mạng nội bộ, mua bán hàng hóa/ tài sản theo nguyên tắc giá bán nội bộ, các giao dịch thường xuyên khác (nếu có).
- ✓ Hoàn tất rà soát, sửa đổi, bổ sung “Điều lệ công ty” và “Quy chế nội bộ về quản trị công ty” nhằm tuân thủ các quy định pháp luật liên quan và nâng cao công tác quản trị công ty;
- ✓ Công tác nhân sự:
 - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Vĩnh Thuận là Phó Tổng Giám đốc Điều Hành kể từ ngày 01/06/2022;
 - Bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Thu Hà là Giám đốc Kiểm Soát nội bộ kể từ ngày 01/06/2022.
 - Bổ nhiệm Ông Lê Ngọc Thạch là Giám Đốc Công nghệ Thông tin kể từ ngày 04/07/2022;
 - Tái bổ nhiệm Bà Trương Thị Phương Dung là Kế Toán Trưởng kể từ ngày 01/04/2022;

Theo nhiều chuyên gia, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ tiếp tục đi vào suy thoái, tiềm ẩn nhiều rủi ro thách thức. Với năng lực chuyên môn kinh doanh hiện tại và kinh nghiệm tháo gỡ khó khăn trong quá khứ sẽ là những bài học, những hành trang quý giá cho ITD trong quá trình hội nhập phát triển. Với thị trường cơ hội nhưng thử thách, năm 2023, HĐQT chủ trương tiếp tục cẩn trọng trong việc tổ chức hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh xây dựng và kết hợp phát triển các giải pháp tích hợp trong 4 lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn: (1) Lĩnh vực điện – tự động và đo lường (ECI), (2) Giải pháp tích hợp viễn thông – tin học (ICS), (3) Lĩnh vực gia công phần mềm (ITO), (4) Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật điện (ETI).

Kế Hoạch Và Định Hướng Của HĐQT

Nhiệm vụ kinh doanh năm 2023

Năm 2023 được dự báo mức tăng trưởng toàn cầu sẽ giảm mạnh do các bất ổn ngày càng gia tăng. Tại Việt Nam, các chính sách kích cầu, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, đẩy mạnh đầu tư công đang được nhà nước triển khai nhằm vực dậy nền kinh tế đang trên đà suy thoái sau những chuyển biến xấu của thị trường tài chính, tiền tệ. Cùng với việc chiến tranh Nga – Ukraine vẫn chưa chấm dứt, việc đứt gãy chuỗi cung ứng kéo dài khiến lạm phát tại Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung tiếp tục ở ngưỡng cao.

Các khó khăn của tình hình kinh tế vĩ mô chắc chắn sẽ có tác động đáng kể đến kế hoạch kinh doanh của ITD Group. Do vậy, các chỉ tiêu nhiệm vụ 2023 theo như chiến lược được đề ra như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
Doanh thu thuần (Hợp nhất)	Triệu đồng	750.000
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ	Triệu đồng	25.000
Cổ tức năm 2022 dự kiến	%	$\geq 10\%$

Năm 2023, Tập đoàn tiếp tục tập trung phát triển và củng cố các hoạt động kinh doanh cốt lõi của các Công ty thành viên nhằm mang lại hiệu quả tối ưu như sau:

- Lĩnh vực điện – tự động và đo lường (ECI).
- Lĩnh vực Viễn thông – tin học (ICS).
- Lĩnh vực Gia công phần mềm (ITO).
- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật điện (ETI).

Thận trọng trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm mới, giải pháp mới, tìm kiếm thị trường mới. Tổ chức đội ngũ chuyên trách hỗ trợ các đơn vị thành viên có được bộ máy quản lý chuyên nghiệp và có hiệu quả hoạt động cao.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty; áp dụng các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ để hoàn thiện bộ máy điều hành.



Chiến lược 2020 – 2025

Trong giai đoạn 2020 – 2025, tập đoàn triển khai song hành hai định hướng chiến lược chính:

- 1) **Định hướng năng động:** Mở rộng thị phần và số lượng khách hàng, kịp thời nắm bắt các xu hướng kinh doanh mới và tiến bộ kỹ thuật từ phía khách hàng, từ đó nhanh chóng tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới.
- 2) **Định hướng sáng tạo:** Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong tập đoàn, đặt mục tiêu đổi mới sáng tạo là yếu tố sống còn và là kim chỉ nam trong các định hướng chiến lược.

Theo định hướng chiến lược, tập trung duy trì và phát triển có chiều sâu các lĩnh vực kinh doanh và khách hàng trọng yếu của công ty:

- Lĩnh vực giao thông thông minh – ITS: Là hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong lĩnh vực giám sát, điều hành và quản lý giao thông trên các quốc lộ, cao tốc và giao thông đô thị;
- Lĩnh vực tin học viễn thông – ICT: Là hệ thống các dịch vụ, giải pháp kỹ thuật, công nghệ viễn thông tin học được áp dụng trong việc quản lý doanh nghiệp và quản lý nhà nước;
- Lĩnh vực điện tự động – ECI: Là lĩnh vực bao gồm các giải pháp kỹ thuật, dịch vụ ứng dụng công nghệ điều khiển, đo lường và tự động hóa quá trình sản xuất (process automation) và điều khiển máy móc thiết bị, bao gồm cả thiết bị, hệ thống điện động lực trong phạm vi nhà máy;
- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật điện – ETI: Là lĩnh vực bao gồm nhiều các dịch vụ, sản phẩm và giải pháp công nghệ được cung cấp và lắp đặt để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật điện cho sản xuất kinh doanh, trong đó tập trung vào các dự án có yêu cầu cao về chất lượng và mức độ sẵn sàng của nguồn điện.
- HĐQT công ty đang rà soát chiến lược và sẽ bổ sung lĩnh vực gia công phần mềm – ITO để phát triển dịch vụ gia công xuất khẩu phần mềm, thiết lập mới, đẩy mạnh các dịch vụ về BPO và gia công phần mềm trong nước

Mục tiêu của ITD Group đến năm 2025:

- Tốc độ tăng trưởng từ **15% – 20%/năm/đơn vị kinh doanh** đến năm 2025 trở thành 1 trong 5 công ty hàng đầu tại Việt Nam trong việc cung ứng các giải pháp cho thành phố và nhà máy thông minh với doanh thu hợp nhất ít nhất **1.200 tỷ**;
- Lợi nhuận ròng của công ty mẹ đảm bảo mức cổ tức hàng năm cho cổ đông **tối thiểu 10%**;
- Các công ty thành viên trong tập đoàn quyết liệt trong việc đầu tư, tìm kiếm, phát triển sản phẩm và giải pháp mới với tỷ trọng tăng dần từ **15% - 25%**;
- Mạnh mẽ đầu tư và triển khai việc tin học hóa trong quản lý để đến năm 2025 tự hào là doanh nghiệp đi đầu trong chuyển đổi số với trên **80%** qui trình được quản lý bằng phần mềm.

Đánh giá của HĐQT độc lập về hoạt động của Tập đoàn

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Các hoạt động của HĐQT đã được thực hiện theo kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2022, tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các chuẩn mực về quản trị công ty; hoàn thành hầu hết các chương trình, nội dung hành động của HĐQT đã đề ra.
- Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và có tính chuyên nghiệp cao, hoạch định rõ ràng về trách nhiệm được phân công và thận trọng trong việc thực hiện vai trò, quyền và trách nhiệm của mình để đảm bảo lợi ích của Công ty.
- HĐQT đã trao đổi, thảo luận thường xuyên với Ban TGD để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ Ban TGD trong tiến trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát công tác điều hành; tham gia xây dựng các quy chế, chính sách vận hành nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông. Đồng thời, HĐQT trực tiếp chia sẻ kiến thức với Ban TGD nhằm tiếp sức trong việc phát triển nguồn lực và công tác quản trị tại Công ty.
- Những biến động tiêu cực trong tình hình kinh tế, xã hội thời gian qua đã gây tác động không nhỏ đến hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên HĐQT đã lãnh đạo và quản lý linh hoạt, định hướng nhiều giải pháp hiệu quả giúp Công ty vượt qua các thách thức trong quá trình vận hành, giúp Công ty duy trì chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận ở mức ổn định; thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và ổn định thu nhập cho người lao động.
- Một số thành viên HĐQT đã tích cực tham gia các hoạt động xây dựng văn hoá doanh nghiệp, truyền thông nội bộ và phát triển tổ chức của Công ty.

Đánh giá về công tác giám sát tổng giám đốc và ban điều hành

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc, đảm bảo mục tiêu kế hoạch kinh doanh và các hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, đi đúng định hướng chiến lược và phù hợp với thực tiễn.
- Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành. Các quyết định của TGD và Ban điều hành đã được phân tích, phản biện và tham vấn từ các thành viên HĐQT nhằm đưa ra các giải pháp tối ưu, giúp Công ty được các kết quả tốt nhất.
- HĐQT cũng thường xuyên xem xét các báo cáo của TGD và trao đổi với Ban điều hành, qua đó nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như được cập nhật nhanh nhất các thông tin kinh doanh và yêu cầu từ thực tế.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý, đầu tư công nghệ, ... đều đã được thảo luận, trao đổi thường xuyên giữa HĐQT và Ban TGD. Các thay đổi về kế hoạch đầu tư, chiến lược mới đều được nghiên cứu độc lập, có cơ sở khoa học và phản biện giữa HĐQT và BDH.
- HĐQT đã chủ động hỗ trợ TGD và Ban điều hành trong một số lĩnh vực, hoạt động; đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực quản lý rủi ro nhằm sớm nhận diện các vấn đề cần xử lý, giúp Công ty duy trì hoạt động kinh doanh bền vững, liên tục và ổn định, bảo vệ lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư.

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Quản trị công ty năm 2022

Thành viên HĐQT

ITD có 7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2021-2025). Trước kỳ Đại hội cổ đông năm 2022, có 1 thành viên đệ đơn từ nhiệm và công ty đã bầu bổ sung thêm 1 thành viên HĐQT độc lập vào Đại hội đồng cổ đông 2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022. Sau Đại hội cổ đông 2022, có thêm 02 thành viên từ nhiệm và ITD duy trì 5 thành viên HĐQT (gồm có 4 thành viên HĐQT không độc lập và 1 thành viên HĐQT độc lập) đến hết năm tài chính.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	Vật lý, Kinh tế thông tin, Quản trị kinh doanh	5,50%	Đương nhiệm
2	Ông Lâm Thiếu Quân	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Quản trị HTTT, Kinh tế, Kỹ sư thủy lợi	1,26%	Đương nhiệm
3	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư điện – tự động hóa, Quản trị kinh doanh	1,11%	Đương nhiệm
4	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	Kỹ sư điện tử	0,85%	Đương nhiệm
5	Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên độc lập	Tài chính Tín dụng, Kế toán	0,00%	Đương nhiệm
6	Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT	Tài chính đầu tư	0,00%	Từ nhiệm
7	Ông Mạc Quang Huy	Thành viên độc lập	Tài chính, kế toán, và đầu tư	0,00%	Từ nhiệm
8	Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên độc lập	Kinh doanh và tài chính ngân hàng	0,00%	Từ nhiệm



Chủ tịch HĐQT

Bà Doãn Thị Bích Ngọc

Là thành viên HĐQT của ITD từ năm 2015 đến nay, bà là một nhà quản trị xuất sắc và luôn tiên phong trong việc hiện đại hoá bộ máy quản trị. Bà Ngọc có nhiều năm kinh nghiệm lĩnh vực kinh doanh với các vị trí Trưởng phòng kinh doanh Công ty Vật tư Bưu điện II, Phó Tổng Giám đốc Công ty COKYVINA và là thành viên HĐQT – Công ty CP Công nghệ Tự động Tân Tiến.

Bà hoàn thành bậc Cử Nhân Vật Lý – Cử Nhân Kinh Tế Thông Tin – Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh.

Hiện bà đang là thành viên HĐQT tại 02 công ty khác.

Thành viên HĐQT

Ông Lâm Thiếu Quân

Là nhà lãnh đạo có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình tăng trưởng của ITD. Với gần 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ông giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Tin Học & Điều khiển CATIC; Giám đốc Công ty TNHH TM Toàn Cầu A; Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu,...

Ông tốt nghiệp 3 chuyên ngành bao gồm: Thủy lợi tổng hợp (ĐH Bách Khoa Tp.HCM), Kinh tế Ngoại thương (ĐH Kinh tế Tp.HCM) và Quản Trị Hệ Thống Thông Tin (Trường đào tạo quản lý DN (CBAM)).

Hiện ông đang là thành viên HĐQT tại 05 công ty khác.



Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc



Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận đã đồng hành gắn bó 20 năm với ITD Group, với nhiều kinh nghiệm chuyên sâu về lĩnh vực giao thông thông minh. Hiện ông đang là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Tiên Phong, đồng thời là Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TP HCM ngành Điện – Tự động hóa và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Hiện ông đang là thành viên HĐQT tại 02 công ty khác.

Ông Nguyễn Hữu Dũng

Tham gia ITD từ những năm 1996, ông Nguyễn Hữu Dũng đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ITD qua các vị trí trưởng phòng kinh doanh, trưởng VPĐD, Phó tổng Giám đốc và thành viên HĐQT. Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh, công nghệ và kỹ thuật. Bên cạnh là thành viên HĐQT của ITD ông còn là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu, chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Global – Sitem, Thành viên HĐQT công ty Tánh Linh.



Thành viên HĐQT



Thành viên HĐQT độc lập

Ông Đinh Hoài Châu

Là thành viên HĐQT mới nhất của ITD từ năm 2022 đến nay, ông Đinh Hoài Châu là một nhà quản trị có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài Chính – Kế toán, với nhiều năm cống hiến trong các vị trí Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc các Công ty CP BCG Evergreen, Công ty CP Quản lý Quỹ Thăng Long; Trưởng BKS Công ty CP Dược phẩm Tipharco, Công ty CP Bảo hiểm AAA, ...

Ông hoàn thành bậc Cử chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại ĐH Kinh Tế Tp.HCM và Cử nhân chuyên ngành Kế toán – Đại học RMIT, Melbourne, Úc

Thành viên HĐQT (đã từ nhiệm)



Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Đức Thắng

Ông Nguyễn Đức Thắng là một doanh nhân dày dặn kinh nghiệm với niềm đam mê cho các sáng tạo khởi nghiệp. Ông đã sáng lập và đồng sáng lập nhiều công ty như: Red Square Việt Nam, Trust Circle, mỹ phẩm e.l.f Việt Nam, Iflix Việt Nam,... Trước ITD, ông Thắng từng là thành viên HĐQT và tư vấn chiến lược cho các công ty niêm yết như Phú Tài, Thực phẩm Cholimex, Cao su Phước Hòa, ...

Ông tốt nghiệp đại học và cao học quản trị kinh doanh tại Đại học Kinh tế TP.HCM (UEH) và hoàn thành khóa đào tạo nhà quản lý cấp cao của Đại học Stanford (Mỹ). Trong hoạt động cộng đồng, ông là một trong những thành viên sáng lập quỹ từ thiện học bổng cựu sinh viên SEP (Stanford) và đồng sáng lập kiêm chủ tịch của Việt Nam Alumni Mentoring.

Ông Mạc Quang Huy

Với 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực tư vấn tài chính, ngân hàng đầu tư, chứng khoán, kế toán và kiểm toán. Ông có 9 năm kinh nghiệm làm việc cho KPMG, một trong bốn tập đoàn tư vấn tài chính và kiểm toán hàng đầu quốc tế; 5 năm kinh nghiệm làm việc với các tập đoàn ngân hàng đầu tư hàng đầu quốc tế (Lehman Brothers và Nomura) tại Nhật Bản và Úc; 8 năm làm lãnh đạo các Công ty CP chứng khoán MB và KBSV.

Hiện Ông Huy điều hành Công ty TNHH MAC CAPITAL và tham gia HĐQT các công ty như Công ty CP Tập đoàn Trường Thành Việt Nam, Công ty CP FiinGroup; Công ty CP Công Nghệ Tiên Phong (ITD) và làm Chủ tịch 4 quỹ mở do Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank ("VCBF") quản lý.

Ông tốt nghiệp thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh tại Đại Học Herriot Watt, Anh và là hội viên của Hiệp Hội Chứng Khoán và Đầu Tư Công Chứng Anh (MCSI).



Thành viên HĐQT

Ông Lưu Đức Khánh

Ông là chuyên gia của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Tham gia vào HĐQT ITD, ông định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, và công nghệ nhằm phát triển ITD trở thành công ty công nghệ hàng đầu tại Việt Nam. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm tại các vị trí Giám đốc điều hành, chiến lược tại các ngân hàng Vietcombank, HSBC, Techcombank, ABB, và HDBank. Ngoài ra, ông còn là Giám đốc điều hành của Công ty CP Hàng không Vietjet Air từ năm 2011 đến nay.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế tại Đại học New England; Cử nhân Kinh tế tại Đại học Kinh tế T.P Hồ Chí Minh và Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.



Thành viên HĐQT

Quản trị công ty năm 2022

Thành viên Ban Giám đốc

	Thành viên Ban Giám Đốc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lâm Thiếu Quân	Tổng Giám đốc	Quản trị HTTT, Kinh tế, Kỹ sư thủy lợi
2	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư điện – tự động hóa Quản trị kinh doanh
3	Ông Phạm Đức Long	Giám đốc phát triển kinh doanh	Quản trị kinh doanh và CNTT
4	Ông Lê Ngọc Thạch	Giám đốc CNTT	Thạc sĩ Công nghệ thông tin
5	Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Giám đốc tài chính	Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán
6	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ	Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán

Ông Lâm Thiếu Quân

Là nhà lãnh đạo có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình tăng trưởng của ITD. Với gần 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ông giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Tin Học & Điều khiển CATIC; Giám đốc Công ty TNHH TM Toàn Cầu A; Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu,...

Ông tốt nghiệp 3 chuyên ngành bao gồm: Thủy lợi tổng hợp (ĐH Bách Khoa Tp.HCM), Kinh tế Ngoại thương (ĐH Kinh tế Tp.HCM) và Quản Trị Hệ Thống Thông Tin (Trường đào tạo quản lý DN (CBAM)).

Hiện ông đang là thành viên HĐQT tại 05 công ty khác.



Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc



Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận đã đồng hành gắn bó 20 năm với ITD Group, với nhiều kinh nghiệm chuyên sâu về lĩnh vực giao thông thông minh. Hiện ông đang là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Tiên Phong, đồng thời là Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TPHCM ngành Điện – Tự động hóa và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Hiện ông đang là thành viên HĐQT tại 02 công ty khác.

Ông Phạm Đức Long

Gia nhập ITD Group từ năm 2000 với vai trò là Giám đốc điều hành phụ trách mảng kinh doanh và quản lý dự án, ông Long đã có nhiều đóng góp trong việc thúc đẩy quá trình mở rộng và phát triển của ITD, có thể kể đến:

- Tham gia các hoạt động kinh doanh tiếp thị trong nhiều lĩnh vực như Auto-ID, ICT và ITS.
- Xây dựng và phát triển giải pháp tích hợp hệ thống.
- Điều hành các hoạt động, phát triển phần mềm.

Ông là kỹ sư Khoa Công nghệ thông tin của Đại Học Bách Khoa đồng thời là Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.



Giám đốc
phát triển kinh doanh



Giám đốc CNTT

Ông Lê Ngọc Thạch

Ông Lê Ngọc Thạch là thành viên mới trong đội ngũ lãnh đạo của ITD, đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển phần mềm và phân tích dữ liệu. Ông hiện đang là Giám Đốc Công nghệ thông tin tại Công ty Tiên Phong.

Ông là thạc sĩ Công nghệ thông tin (Khoa học máy tính) của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

Bà gắn bó với ITD 16 năm và có nhiều kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính. Bà là một trong những người người có nhiều nhiệt huyết với ITD Group. Hiện Bà đang là Giám Đốc Tài Chính tại Công ty Tiên Phong và thành viên HĐQT Công ty Tân Tiến.

Bà tốt nghiệp ngành kế toán tại Đại Học Kinh Tế TPHCM.



Giám đốc Tài chính



TV Ban kiểm soát kiêm
Giám đốc KSNB

Bà Đỗ Thị Thu Hà

Bà Đỗ Thị Thu Hà tốt nghiệp cử nhân kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán với hơn 20 năm kinh nghiệm làm kế toán, kiểm toán, kiểm soát tại các Công ty trong Tập đoàn Tiên Phong; hiện là Giám đốc Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Công nghệ Tiên Phong kiêm trưởng BKS Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu.

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung												
1	Không số	30/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021. ✓ Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021. ✓ Thông qua việc trích lập và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2021. ✓ Thông qua mức cổ tức năm 2021: là 10% bằng cổ phần, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn vốn: Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã kiểm toán. • Thời gian thanh toán: ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể và tiến hành công bố thông tin theo quy định. • Các nội dung khác được quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022. ✓ Thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát đương nhiệm lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2022. ✓ Quyết định kế hoạch cho năm tài chính của công ty trong năm 2022 với các chỉ tiêu tài chính như sau: <table border="1" style="width: 100%; margin-top: 10px;"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Kế hoạch</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu thuần hợp nhất</td> <td>820.000 triệu đồng</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ</td> <td>30.000 triệu đồng</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức dự kiến 2022</td> <td>>=10% bằng tiền mặt</td> </tr> </tbody> </table> ✓ Thông qua Phương án phát hành cổ phần chi tiết quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022. ✓ Thông qua chương trình ESOP năm 2022 (dựa trên kết quả kinh doanh 2021) chi tiết quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022. ✓ Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau: <table border="1" style="width: 100%; margin-top: 10px;"> <thead> <tr> <th>Mã ngành, nghề kinh doanh</th> <th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>5225</td> <td>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ;...</td> </tr> </tbody> </table> 	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Doanh thu thuần hợp nhất	820.000 triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	30.000 triệu đồng	Cổ tức dự kiến 2022	>=10% bằng tiền mặt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ;...
Chỉ tiêu	Kế hoạch														
Doanh thu thuần hợp nhất	820.000 triệu đồng														
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	30.000 triệu đồng														
Cổ tức dự kiến 2022	>=10% bằng tiền mặt														
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh														
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ;...														

Quản trị công ty năm 2022

Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	Không số	30/06/2021	<ul style="list-style-type: none">✓ Thống nhất ủy quyền HĐQT chủ động thay đổi/ bổ sung ngành, nghề kinh doanh phù hợp với Chiến lược kinh doanh của công ty và thực hiện các thủ tục liên quan với Sở KH&ĐT Tp.HCM.✓ Thông qua những nội dung Điều lệ công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh và Toàn văn bản (Phụ lục 2 – Toàn văn “Điều lệ”)✓ Thông qua những nội dung Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động (Quy chế ESOP) thay đổi theo Tờ trình và Toàn văn bản (Phụ lục 3 – Toàn văn “Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động”).✓ Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Lưu Đức Khánh kể từ ngày 21/06/2022.✓ Thành viên HĐQT độc lập bổ sung cho giai đoạn 2021 – 2023:<ul style="list-style-type: none">• Ông Đinh Hoài Châu

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị thành lập 03 Tiểu ban trực thuộc:

- Tiểu ban phát triển nhân sự tập đoàn:** Ông Nguyễn Đức Thắng (Trưởng Ban), Bà Doãn Thị Bích Ngọc, Ông Lưu Đức Khánh và Ông Lâm Thiếu Quân.
- Tiểu ban chiến lược kinh doanh và đầu tư:** Ông Nguyễn Hữu Dũng (Trưởng Ban), Bà Doãn Thị Bích Ngọc, Ông Nguyễn Đức Thắng, Ông Mạc Quang Huy và Ông Nguyễn Vĩnh Thuận.
- Tiểu ban chính sách quản trị:** Ông Mạc Quang Huy (Trưởng Ban), Ông Lưu Đức Khánh, Ông Nguyễn Vĩnh Thuận và Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/03/2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	007/2021/NQ-HĐQT-CBTT	25/04/2022	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4/2021 (01/01/2022-31/03/2022) và năm tài chính 2021 (01/04/2021-31/03/2022). ❖ Thông qua kế hoạch vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu với hạn mức vay không vượt quá 40.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ đồng). ❖ Thống nhất tổ chức ĐHĐCĐ kỳ họp thường niên năm 2022 (“Đại hội 2022”) với các nội dung như sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho cổ phiếu Công ty CP công nghệ Tiên Phong để thực hiện tham dự Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022 là: ngày 27/05/2022. b. Nội dung cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tỷ lệ thực hiện: Đối với cổ phiếu phổ thông: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết. ○ Thời gian thực hiện: Từ 13h30 – 17h00, ngày 30/06/2022. ○ Địa điểm thực hiện: Tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM
2	008/2021/NQ-HĐQT-CBTT	18/05/2022	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Hội đồng quản trị phê chuẩn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion với một số nội dung dự kiến như sau: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM LARION ✓ Loại hình công ty: Công ty Cổ phần ✓ Vốn điều lệ: 10.638.210.000 đồng (Mười tỷ sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm mười ngàn đồng, tương ứng 1.063.821 cổ phần). ✓ Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản phần mềm (Chi tiết: Sản xuất phần mềm), Lập trình máy vi tính, Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, ... ✓ Thống nhất việc ITD sẽ mua đến 45% và Quyền chọn mua với tỷ lệ 6% vốn điều lệ tại công ty Larion. ❖ Thống nhất ủy quyền cho Ông Lâm Thiếu Quân chức vụ Tổng Giám Đốc, đại diện theo pháp luật, tiến hành đàm phán và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu tại Điều 1.
3	009/2021/NQ-HĐQT-CBTT	17/05/2022	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Hội đồng quản trị phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty cổ phần Intelnet với một số nội dung dự kiến như sau: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN INTELNET ✓ Loại hình công ty: Công ty Cổ phần ✓ Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng, tương ứng 1.000.000 cổ phần)

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung												
			<ul style="list-style-type: none"> ✓ Phần góp vốn theo lộ trình của Công ty Tiên Phong: 06 tỷ đồng (Sáu tỷ đồng), trong đó giai đoạn 1 góp 03 tỷ (Ba tỷ đồng). ✓ Ngành nghề kinh doanh: Lập trình máy vi tính (Sản xuất phần mềm tin học); Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm); Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. ✓ Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Thiếu Quân – kiêm Chủ tịch. 												
4	010/2021/NQ-HĐQT-CBTT	07/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thống nhất trình ĐHĐCĐ ITD tại kỳ họp thường niên 2022: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tình hình sử dụng và trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi. ✓ Trích lập Quỹ đầu tư phát triển ✓ Tỷ lệ chi trả cổ tức 2021: dự kiến 10% bằng cổ phần ✓ Kế hoạch kinh doanh 2022 với: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Kế hoạch</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu thuần hợp nhất</td> <td>820.000 triệu đồng</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ</td> <td>30.000 triệu đồng</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức dự kiến 2022</td> <td>>=10% bằng tiền mặt</td> </tr> </tbody> </table> ✓ Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mã ngành, nghề kinh doanh</th> <th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>5225</td> <td>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ;...</td> </tr> </tbody> </table> ✓ Sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty ✓ Kế hoạch phát hành cổ phần tăng vốn ✓ Trình tỷ lệ được hưởng ESOP 2022 (dựa trên kết quả kinh doanh năm 2021) ✓ Sửa đổi, bổ sung Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động ❖ Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Vĩnh Thuận là Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong. 	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Doanh thu thuần hợp nhất	820.000 triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	30.000 triệu đồng	Cổ tức dự kiến 2022	>=10% bằng tiền mặt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ;...
Chỉ tiêu	Kế hoạch														
Doanh thu thuần hợp nhất	820.000 triệu đồng														
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	30.000 triệu đồng														
Cổ tức dự kiến 2022	>=10% bằng tiền mặt														
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh														
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ;...														

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
5	001/2022/NQ-HĐQT-CBTT	04/07/2022	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thống nhất bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Thu Hà là Giám đốc Kiểm Soát nội bộ của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong. ❖ Thống nhất bổ nhiệm Ông Lê Ngọc Thạch là Giám Đốc Công Nghệ Thông Tin của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong.
6	002/2022/NQ-HĐQT-CBTT	04/08/2022	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2022 (01/04/2022-30/06/2022). ❖ Hoàn tất góp vốn đến 45% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần tư vấn và phát triển phần mềm Larion. ❖ Thống nhất bầu Bà Doãn Thị Bích Ngọc làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7	003/2022/NQ-HĐQT-CBTT	24/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2022 (01/07/2022 - 30/09/2022) và lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 (01/04/2022 – 30/09/2022). ❖ Thống nhất ủy quyền TGD phê duyệt từng trường hợp cụ thể các giao dịch thường xuyên giữa các công ty thành viên trên tinh thần tối ưu nguồn lực tập đoàn, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Cho thuê văn phòng ITD Building; ✓ Quản trị mạng nội bộ; ✓ Mua bán hàng hóa/ tài sản theo nguyên tắc giá bán nội bộ; ✓ Các giao dịch thường xuyên khác (nếu có).
8	004/2022/NQ-HĐQT-CBTT	24/10/2022	<p><u>Về việc triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ năm 2022:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30/06/2022 (phương án phát hành chi tiết theo Nghị quyết) ❖ Thông qua việc tạm dừng triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 25% tương ứng 5.317.866 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30/06/2022. ❖ Thông qua Danh sách cán bộ nhân viên được quyền mua cổ phiếu Phát hành ESOP (danh sách chi tiết theo Nghị quyết). ❖ Thông qua việc đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu phát hành.

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
9	005/2022/NQ-HĐQT-CBTT	15/12/2022	<p><u>Về việc điều chỉnh phương án tăng vốn điều lệ năm 2022:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Điều chỉnh thời gian dự kiến phát hành cổ phiếu trả cổ tức nêu tại Mục 2.1, Điều 1, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 004/2022/NQ-HĐQT-CBTT ngày 24/10/2022 cụ thể như sau: Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong tháng 12/2022 – Quý 1/2023, ngay sau khi UBCKNN có thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của Công ty. ❖ Thông qua việc sửa đổi Mục 2.2, Điều 1, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 004/2022/NQ-HĐQT-CBTT ngày 24/10/2022 (chi tiết theo Nghị quyết). ❖ Thông qua Quy định phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Quy định ESOP) năm 2022 (Tài liệu đính kèm). ❖ Thông qua Danh sách cán bộ nhân viên được quyền mua cổ phiếu Phát hành ESOP (danh sách chi tiết theo Nghị quyết). ❖ Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (chi tiết theo Nghị quyết). ❖ Tiếp tục triển khai đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2022 (chi tiết theo Nghị quyết). ❖ Hiệu lực thi hành (chi tiết theo Nghị quyết). ❖ Tổ chức thực hiện (chi tiết theo Nghị quyết).
10	006/2022/NQ-HĐQT-CBTT	10/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 14/02/2023; ❖ Thông qua thời gian nộp tiền mua cổ phiếu ESOP: từ ngày 30/01/2023 đến ngày 10/02/2023.
11	007/2022/NQ-HĐQT-CBTT	09/02/2023	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2022 (01/10/2022 - 31/12/2022) và lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 (01/04/2022 – 31/12/2022). ❖ Hội đồng quản trị phê chuẩn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion với một số nội dung dự kiến như sau: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM LARION ✓ Loại hình công ty: Công ty Cổ phần ✓ Vốn điều lệ: 10.638.210.000 đồng (Mười tỷ sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm mười ngàn đồng, tương ứng 1.063.821 cổ phần). ✓ Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản phần mềm (Chi tiết: Sản xuất phần mềm), Lập trình máy vi tính, Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, ... ✓ Tổ chức thực hiện (chi tiết theo Nghị quyết).

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none">✓ Thống nhất việc ITD thực hiện Quyền chọn mua với tỷ lệ 6% vốn điều lệ tại công ty Larion và đạt tỷ lệ sở hữu 51% sau giao dịch mua.❖ Thống nhất ủy quyền cho Ông Lâm Thiếu Quân chức vụ Tổng Giám Đốc, đại diện theo pháp luật, tiến hành đàm phán và ký kết Phụ lục Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu tại Điều 2.❖ Thống nhất ủy quyền TGD phê duyệt từng trường hợp cụ thể các giao dịch thường xuyên trong năm 2023 giữa các công ty thành viên trên tinh thần tối ưu nguồn lực tập đoàn, bao gồm:<ul style="list-style-type: none">✓ Cho thuê văn phòng ITD Building;✓ Quản trị mạng nội bộ;✓ Mua bán hàng hóa/ tài sản theo nguyên tắc giá bán nội bộ;✓ Các giao dịch thường xuyên khác (nếu có).
12	008/2022/NQ-HĐQT-CBTT	13/02/2023	<ul style="list-style-type: none">❖ Thông qua phương án xử lý số cổ phần cán bộ nhân viên không mua hết trong đợt phát hành cổ phiếu ESOP (chi tiết theo Nghị quyết).

Quản trị công ty năm 2022

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Ban Kiểm soát có 3 thành viên với nhiệm kỳ 2021 – 2025. Danh sách Ban kiểm soát bao gồm:

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng BKS	Kế toán tài chính	0,00%
2	Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên	Kế toán tài chính	0,00%
3	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	Kế toán tài chính	0,02%



Trưởng Ban kiểm soát

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu

Có 13 năm kinh nghiệm làm việc tại ITD Group trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Trước đây, bà đã từng đảm nhiệm vị trí Giám Đốc Tài Chính tại ITD và tham gia vào Ban Kiểm Soát các công ty con của ITD. Hiện Bà đang là Giám Đốc Tài Chính của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Boston Việt Nam.

Bà tốt nghiệp ngành Tài chính – Kế Toán tại Đại học Tài chính Kế Toán.

Bà Mai Ngọc Phượng

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM. Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, bà Phượng đã có những đóng góp tích cực vào hoạt động của GLT Group.

Hiện tại bà Phượng giữ vị trí Kế toán trưởng tại Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu,



Thành viên Ban kiểm soát



TV Ban kiểm soát kiêm Giám đốc KSNB

Bà Đỗ Thị Thu Hà

Bà Đỗ Thị Thu Hà tốt nghiệp cử nhân kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán với hơn 20 năm kinh nghiệm làm kế toán, kiểm toán, kiểm soát tại các Công ty trong Tập đoàn Tiên Phong; hiện là Giám đốc Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Công nghệ Tiên Phong kiêm trưởng BKS Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu.

Quản trị công ty năm 2022

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm tài chính 2022, Ban kiểm soát hoạt động chủ yếu thông qua các hình thức sau:

- Ban kiểm soát có thành viên là Kiểm toán nội bộ làm việc chuyên trách tại công ty để thực hiện vai trò kiểm soát hoạt động và rủi ro. Trong năm, Kiểm toán nội bộ đã có các đợt kiểm toán, kiểm soát nội bộ nhằm rà soát quy trình, giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động của Công ty.
- Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng tham gia họp định kỳ với Ủy ban kiểm soát tập đoàn để giải quyết các vấn đề vướng mắc trong công tác kiểm soát hoạt động tài chính kế toán, đồng thời góp ý cải tiến trên tinh thần xây dựng và hợp tác nhằm giúp tăng cường hiệu quả kiểm soát của Công ty.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của ITD, đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban điều hành.
- Ban kiểm soát thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC để kiểm toán BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ năm tài chính 2022. Theo ý kiến của AASC được nêu trong báo cáo kiểm toán, các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm tài chính 2022 của ITD đã trình bày trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo kiểm toán 2022 của AASC.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm Soát

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: tổng thù lao đã chi trả cho HĐQT/BKS trong năm 2022 là 550.051.613 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu, không trăm năm mươi một nghìn sáu trăm mười ba đồng.); tổng thù đã chi trả cho Ban Giám Đốc trong năm 2022 là 6.162.381.086 VNĐ (Bằng chữ: Sáu tỷ một trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm tám mươi một nghìn không trăm tám mươi sáu đồng.).
- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT (đã từ nhiệm)	1.346.240	6,33%	-	0,00%	Giảm tỷ lệ sở hữu
2	Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	1.204.988	5,66%	1.344.936	5,50%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Công Ty TNHH TMDV Kiều Phong	Bên liên quan của TV HĐQT	1.009.476	4,75%	1.110.423	4,54%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Công Ty CP Đầu Tư Tánh Linh	Bên liên quan của TV HĐQT	735.818	3,46%	793.919	3,25%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Trần Gia Anh	Em vợ của TV HĐQT	206.031	0,97%	127.700	0,52%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu, mua ESOP

Quản trị công ty năm 2022

	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
6	Nguyễn Hoàng Minh	Con của TV HĐQT	112.000	0,53%	139.080	0,57%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Nguyễn Vĩnh Thuận	TV HĐQT kiêm Phó Tổng GD	154.989	0,73%	270.486	1,11%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu, mua ESOP
8	Lâm Thiếu Quân	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	55.235	0,26%	307.858	1,26%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu, mua ESOP
9	Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	24.335	0,11%	11.038	0,05%	Giảm tỷ lệ sở hữu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Võ Thị Long Toàn	Vợ của TV HĐQT	19.899	0,09%	21.888	0,09%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Đào Thị Duy Trinh	Em dâu của TV HĐQT	18.480	0,09%	-	0,00%	Giảm tỷ lệ sở hữu
12	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Vợ của TV HĐQT	13.440	0,06%	-	0,00%	Giảm tỷ lệ sở hữu
13	Phạm Đức Long	Giám đốc	11.885	0,06%	38.073	0,16%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu, mua ESOP
14	Nguyễn Hữu Dũng	TV HĐQT	7.618	0,04%	208.379	0,85%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu, mua ESOP
15	Nguyễn Hữu Tiến	Em trai TV HĐQT	6.471	0,03%	30.078	0,12%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu, mua ESOP
16	Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên BKS kiêm Giám đốc KSNB	4.480	0,02%	4.928	0,02%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
17	Võ Thị Đoàn Trang	Vợ của TV HĐQT	1.072	0,01%	84.669	0,35%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
18	Lê Thị Ngọc Phượng	Chị dâu của TV HĐQT	1.058	0,00%	1.216	0,00%	Tài chính cá nhân, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
19	Lê Thị Thu Vân	Mẹ vợ của TV HĐQT	109	0,00%	119	0,00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
20	Trịnh Thị Thúy Liễu	TV BKS	94	0,00%	103	0,00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
21	Huỳnh Thị Ngọc Nương	Mẹ chồng của TV BKS	56	0,00%	61	0,00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
22	Ngô Thị Vân	Mẹ chồng của TV BKS	22	0,00%	24	0,00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
23	Cao Mỹ Phương	Người Công bố thông tin	2	0,00%	20,002	0,08%	Mua ESOP
24	Lâm Yến Nhi	Con của TV HĐQT	0	0,00%	3.000	0,01%	Mua ESOP

Cơ cấu lao động đến thời điểm 31/03/2023

Phân Loại	Công ty mẹ		Công ty con		Tập đoàn Tiên Phong	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo giới tính	92	100	155	100	247	100
Nam	58	63	112	72	170	69
Nữ	34	37	43	28	77	31
Phân theo trình độ chuyên môn	92	100	155	100	247	100
Đại học và Trên đại học	75	82	119	77	194	79
Cao đẳng	5	5	15	10	20	8
Trung cấp	8	9	14	9	22	9
Khác	4	4	7	5	11	4
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	92	100	155	99	247	100
Không xác định thời hạn, Có xác định thời hạn từ 01 - 03 năm	90	98	146	94	236	96
Ngắn hạn dưới 01 năm	-	-	2	-	2	1
Thử việc	2	2	7	5	9	4

Trong năm 2022, mức lương trung bình Công ty chi trả cho người lao động là 18,463,000 VND.

Chính sách đối với người lao động

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu chính sách tuyển dụng của công ty là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực chung, năng lực chuyên môn và tố chất cá nhân phù hợp văn hóa Công ty và vị trí công việc của ứng viên.

Chính sách đào tạo: Chính sách đào tạo hàng năm nhằm phát triển năng lực cho mọi cấp bậc nhân viên tương ứng những năng lực cốt lõi sau: năng lực nhận thức, sáng tạo, chuyên môn hóa cao, đa năng và làm việc đồng đội. Hình thức đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo bên ngoài (trong và nước ngoài) và bên trong (huấn luyện/đào tạo tại chỗ bởi đội ngũ quản trị viên – giảng viên nội bộ).

Chính sách đãi ngộ: Chính sách đãi ngộ được hoàn chỉnh một cách khoa học và hệ thống nhằm xây dựng, hoàn thiện và cải tiến hình thức đãi ngộ cho người lao động, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên, với các nội dung cụ thể:

- Trả công xứng đáng trên cơ sở năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc của người lao động.

Chính sách cho người lao động

- Duy trì đội ngũ nhân lực giỏi, tận tâm và phát triển cùng Tập đoàn;
- Hấp dẫn đội ngũ lãnh đạo có năng lực xuất sắc và phẩm chất tốt;
- Khuyến khích người lao động tự hoàn thiện bản thân phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển cùng Tập đoàn;
- Gắn kết sự thành đạt của cá nhân với thành công của Công ty.

Chính sách thu nhập:

- Thu nhập cố định trả hàng tháng cho nhân viên được tính theo 02 yếu tố: năng lực cá nhân và yêu cầu của vị trí công việc. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực và thành tích, các công ty sẽ tổ chức xét điều chỉnh thu nhập cho nhân viên. Chính sách điều chỉnh thu nhập đột xuất được thực hiện đối với nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc khi nhân viên được bổ nhiệm vào vị trí công việc mới.
- Thu nhập cuối năm (thưởng): dựa vào mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển mang tính lâu dài, công ty xác định mục tiêu bộ phận, chỉ tiêu năng suất và nhiệm vụ của từng người lao động để làm cơ sở tính thưởng. Điểm nổi bật trong chính sách thưởng chính là tặng quyền chọn mua cổ phiếu cho nhân viên ưu tú và quản lý xuất sắc. Chính sách này gắn kết trách nhiệm và tâm huyết người lao động với sự nghiệp của công ty trên cơ sở trao quyền đồng sở hữu.

Chính sách phụ cấp - phúc lợi:

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo Luật Lao động:

- Thực hiện các hình thức phúc lợi bổ sung như bảo hiểm tai nạn 24h và khám sức khỏe định kỳ.
- Các hình thức đãi ngộ phi vật chất khác giúp xây dựng và định hình nét văn hóa riêng đặc sắc của Công ty Tiên Phong như: Team Building, tiệc Tất Niên,...

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức của công ty ngày càng tinh gọn hơn, duy trì đội ngũ nhân lực giỏi và tận tâm, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên. Ban giám đốc luôn xây dựng và không ngừng hoàn thiện các chính sách của công ty để tạo ra một môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, góp phần mang lại hiệu quả cao cho công ty.

Quản trị rủi ro

Năm 2022 là một năm có nhiều biến động bất ổn trên thế giới, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa gây nhiều rủi ro cho hoạt động của doanh nghiệp cả về chiến lược kinh doanh, điều hành, tài chính và nhân sự. Do đó, để giảm thiểu tối đa các rủi ro, ITD đã chủ động thực hiện các biện pháp quản trị để ứng phó linh hoạt dựa trên tình hình thực tế.

Rủi ro từ thị trường

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về tăng trưởng kinh tế	Năm 2022, tác động từ thế giới, nền kinh tế Việt Nam hết sức khó khăn. Tái cơ cấu tổ chức với tốc độ chậm gây ra nhiều rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng trung hạn của nền kinh tế, các khoản nợ dự phòng và nợ xấu liên quan tới ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều, giải quyết chưa triệt để.	<ul style="list-style-type: none">Nắm bắt các chính sách ưu đãi của nhà nước trong lĩnh vực điện, điện tử, tự động, công nghệ thông tin.Hợp tác, tiếp cận, học hỏi nhiều hơn trong quá trình cọ xát với thị trường công nghệ thế giới.
Rủi ro môi trường kinh doanh	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế, chính sách và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho công ty trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">Thường xuyên cập nhật các thay đổi môi trường kinh tế, chính sách, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	<ul style="list-style-type: none">Đưa ra chiến lược cung cấp dịch vụ toàn diện, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của khách hàng, từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị dịch vụ công nghệ thông tin.Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo để cải thiện chất lượng dịch vụ và sản phẩm.Liên tục tối ưu hoá hệ thống quy trình vận hành và chi phí.
Rủi ro về lãi suất	Hoạt động kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp dựa phần lớn vào nguồn vốn của khoản vay tín dụng, nên việc quan tâm đến yếu tố lãi suất là hoàn toàn hợp lý.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi sự thay đổi về chính sách lãi vay của ngân hàng và các gói hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước để điều chỉnh lượng vốn vay, giảm thiểu chi phí lãi vay trong kỳ.
Rủi ro từ biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, và dự báo theo dõi.Phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.
Rủi ro về lạm phát	Lạm phát tăng cao và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt trong thời gian vừa qua tại các cường quốc đã và đang phát triển trên thế giới báo động nền kinh tế đang bước vào bờ vực suy thoái	<ul style="list-style-type: none">Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường mức dự trữ.Đẩy mạnh thu hồi công nợ, sử dụng hiệu quả các nguồn trích quỹ. Kiểm soát chi phí hoạt động để tìm cách cắt giảm, tiết kiệm và tăng cường hiệu quả.

Quản trị rủi ro

Rủi ro hoạt động

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro triển khai kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, đánh giá thông qua việc quản lý danh mục đầu tư và dự án cụ thể.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi, giám sát thường xuyên tình hình thực hiện về tiến độ, ngân sách. Trường hợp dự án báo cáo định kỳ và có hướng ứng phó phù hợp với thay đổi.
Rủi ro hàng hóa không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ không đủ thiết bị, vật tư lắp đặt cho dự án.	<ul style="list-style-type: none">Quản lý hàng tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng hợp lý.
Rủi ro với bên cho thuê	Nguy cơ chấm dứt hợp đồng cho thuê trước thời hạn hoặc giá thuê tăng đột biến.	<ul style="list-style-type: none">Lên kế hoạch thương thảo điều khoản hợp đồng có lợi cho 2 bên đồng thời tạo mối quan hệ thân thiết nếu được.
Rủi ro mất khách hàng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng và có các chính sách tương ứng đối với khách hàng quan trọng.
Rủi ro về nhân lực	Nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng và then chốt tạo nên thành công, đột phá cho doanh nghiệp. Rủi ro đối với quản trị nhân lực, đó là sự biến động nguồn nhân lực.	<ul style="list-style-type: none">Xây dựng mô hình phát triển nguồn nhân lực để nâng cao trình độ và hiệu suất làm việc.Xây dựng các chính sách về nhân sự, đảm bảo người lao động nhận được mức đãi ngộ tương xứng với năng lực và trình độ, tạo nên sự gắn bó lâu dài.

Rủi ro về luật định

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về luật pháp	Tất cả các doanh nghiệp đều hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, mọi hành vi pháp lý của doanh nghiệp luôn đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, những khác biệt trong hệ thống luật pháp ở các quốc gia khác nhau cũng là một nguyên nhân, rào cản để hạn chế việc tiếp cận thị trường khác của các doanh nghiệp trong nước.	<ul style="list-style-type: none">Liên tục nghiên cứu và cập nhật các chính sách định hướng lớn của chính phủ.Tuân thủ luật pháp cũng như môi trường văn hoá kinh doanh của các thị trường có liên quan.Xây dựng một bộ phận pháp lý hoàn toàn có thể hỗ trợ khi chính sách pháp luật thay đổi để kịp thời ứng phó.

Rủi ro về an ninh mạng

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro bảo mật thông tin và rủi ro an ninh mạng	Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với tổ chức doanh nghiệp. Việc thông tin bị lộ ra bên ngoài ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, uy tín, chiến lược của công ty.	<ul style="list-style-type: none">Áp dụng triệt để các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm đảm bảo an ninh thông tin của Công ty.

05

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia

Sự phát triển của ITD góp phần tạo nên sự phát triển cho ngành khoa học công nghệ nói riêng và kinh tế toàn Việt Nam nói chung. ITD cung cấp những sản phẩm dịch vụ nâng cao hiệu suất, độ chính xác và tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng.

Nâng cao chất lượng cuộc sống người Việt

Với các dự án trải dài trên toàn lãnh thổ Việt Nam, ITD đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cùng với những chính sách hỗ trợ người dân, đóng góp vào phát triển kinh tế và chất lượng sống của hàng ngàn hộ gia đình.



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Giảm thiểu xả thải và tiêu thụ năng lượng



Khoa học công nghệ phát triển đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ môi trường, là nền tảng phát triển bền vững kinh tế, xã hội. Nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh, ITD cung cấp dịch vụ lắp đặt năng lượng điện mặt trời cho nhiều khách hàng, góp phần không nhỏ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.



TÁC ĐỘNG TỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Chung tay vì một cộng đồng phát triển lành mạnh

ITD luôn chú trọng vào phát triển xã hội – con người một cách lành mạnh, an toàn và giàu giá trị để kiến tạo sự phát triển kinh doanh bền vững lâu dài. Cụ thể, ITD luôn tạo công ăn việc làm cho nhiều người, bảo vệ sức khỏe cho người lao động trước tác động của đại dịch và đóng góp vào các quỹ an sinh xã hội, tạo hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào 31/03/2023

Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong

Mục Lục

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	50 - 51
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập	52
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023	53-56
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023	57
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023	58-59
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023	60-92

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 04 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm 04/08/2022)
2	Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm 28/07/2022)
3	Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên
4	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên
5	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
6	Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên (bổ nhiệm 30/06/2022)
7	Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên (từ nhiệm 21/06/2022)
8	Ông Mạc Quang Huy	Thành viên (từ nhiệm 28/07/2022)

STT	Ban giám đốc	Chức vụ
1	Ông Lâm Thiếu Quân	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 01/06/2022)

STT	Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban
2	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên
3	Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Lâm Thiệu Quân
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 06 năm 2023

Báo cáo kiểm toán độc lập

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được lập ngày 16 tháng 06 năm 2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 21/06/2022.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1

Kiểm toán viên

Lê Trường Long

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2020-002-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2023

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Tài Sản	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		488.642.833.269	556.982.708.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	04	68.909.675.557	71.487.869.936
1. Tiền	111		38.850.489.874	54.487.869.936
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.059.185.683	17.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	05	65.675.000.000	84.874.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.675.000.000	84.874.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		294.271.775.744	326.861.522.063
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	06	298.699.368.353	244.576.497.785
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	07	5.362.773.049	72.421.182.462
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	08	-	355.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	09	28.815.758.653	36.224.814.321
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(38.606.124.311)	(26.715.972.505)
IV. Hàng tồn kho	140	11	55.378.244.800	67.668.084.242
1. Hàng tồn kho	141		65.416.025.160	77.115.969.205
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.037.780.360)	(9.447.884.963)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.408.137.168	6.091.232.737
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	318.711.110	410.479.545
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.089.426.058	2.535.330.671
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	-	3.145.422.521

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Tài Sản	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	100		165.928.318.049	70.275.502.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	110		1.333.676.000	16.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	111	08	60.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	112	09	1.273.676.000	16.000.000
II. Tài sản cố định	120		72.302.681.719	62.407.233.652
1. Tài sản cố định hữu hình	123	13	56.397.387.988	46.697.867.208
- Nguyên giá	130		<i>107.578.106.084</i>	<i>88.998.709.364</i>
- Giá trị hao mòn lũy kế	131		<i>(51.180.718.096)</i>	<i>(42.300.842.156)</i>
2. Tài sản cố định vô hình	132	14	15.905.293.731	15.709.366.444
- Nguyên giá	135		<i>30.753.204.466</i>	<i>25.375.830.146</i>
- Giá trị hao mòn lũy kế	136		<i>(14.847.910.735)</i>	<i>(9.666.463.702)</i>
IV. Tài sản dở dang dài hạn	137	12	646.638.000	510.518.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	140		646.638.000	510.518.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	141	05	6.894.654.947	4.320.100.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	149		4.805.554.947	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	150		7.367.100.000	7.367.100.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	151		<i>(5.278.000.000)</i>	<i>(3.047.000.000)</i>
VI. Tài sản dài hạn khác	152		84.750.667.383	3.021.650.498
1. Chi phí trả trước dài hạn	153	15	3.690.786.999	2.335.957.032
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	200	37	204.369.186	685.693.466
3. Lợi thế thương mại	210	16	80.855.511.198	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	215		654.571.151.318	627.258.211.128

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		240.684.362.783	236.650.949.533
I. Nợ ngắn hạn	310		230.909.645.888	227.942.213.368
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	68.437.821.172	41.706.988.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	12.017.579.806	75.231.315.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	8.313.281.471	14.896.675.553
4. Phải trả người lao động	314		5.098.287.417	6.779.455.622
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	55.805.517.388	5.221.940.661
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	156.500.000	477.592.970
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	11.358.554.292	10.713.997.279
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	52.241.740.477	53.745.563.665
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	13.824.932.125	14.812.194.438
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.655.431.740	4.356.489.296
II. Nợ dài hạn	330		9.774.716.895	8.708.736.165
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	924.717.950	868.717.950
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	37	3.239.200.000	2.890.600.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	3.500.865.643	2.799.717.118
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.109.933.302	2.149.701.097

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

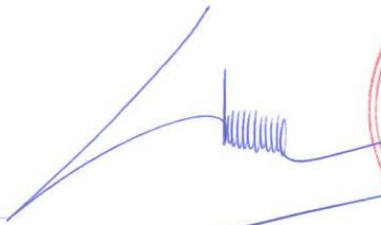
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		413.886.788.535	390.607.261.595
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	413.886.788.535	390.607.261.595
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.335.910.000	213.436.540.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>245.335.910.000</i>	<i>213.436.540.000</i>
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.100.100.000	-
3. Cổ phiếu quỹ	415		(721.880.000)	(721.880.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.226.611.161	10.228.471.262
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.601.399.308	85.297.657.447
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kì trước</i>	<i>421a</i>		<i>55.923.652.946</i>	<i>57.614.838.812</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kì này</i>	<i>421b</i>		<i>1.677.746.362</i>	<i>27.682.818.635</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		96.344.648.066	82.366.472.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		654.571.151.318	627.258.211.128

TP Hồ Chí Minh, Ngày 16 tháng 06 năm 2023


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	878.304.815.827	363.194.253.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	173.162.500	43.563.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		878.131.653.327	363.150.690.088
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	746.438.205.904	267.932.921.272
5. Lợi nhuận gộp bán hàng cung cấp dịch vụ	20		131.693.447.423	95.217.768.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	6.003.159.330	59.671.043.993
7. Chi phí tài chính	22	31	6.730.545.107	6.377.875.228
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.671.780.317	2.718.069.513
8. Phải thu về cho vay ngắn hạn	24		7.044.035.162	
9. Chi phí bán hàng	25	32	42.608.700.035	44.921.550.253
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	63.717.475.431	32.620.925.934
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.683.921.342	70.968.461.394
12. Thu nhập khác	31	34	2.490.376.681	2.320.131.355
13. Chi phí khác	32	35	1.594.087.708	232.348.858
14. Lợi nhuận khác	40		896.288.973	2.087.782.497
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.580.210.315	73.056.243.891
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	8.055.068.436	15.648.137.775
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	829.924.280	(383.572.856)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		23.695.217.599	57.791.678.972
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.307.947.272	27.682.818.635
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.387.270.327	30.108.860.337
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	183	1.179

TP Hồ Chí Minh, Ngày 16 tháng 06 năm 2023


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng


Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.580.210.315	73.056.243.891
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.702.749.836	7.459.040.525
Các khoản dự phòng	03		13.145.315.401	(711.253.435)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(107.987.344)	(37.978.175)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.354.907.065)	(59.242.581.410)
Chi phí lãi vay	06		3.671.780.317	2.718.069.513
Các khoản điều chỉnh khác	07		(87.913.781.764)	(338.839.091)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(45.276.620.304)	22.902.701.818
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		52.257.011.060	29.479.202.370
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.699.944.045	17.786.684.075
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.091.786.995)	(9.726.082.737)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		922.407.020	(3.391.734.401)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.537.544.628)	(2.733.429.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.487.451.248)	(6.572.924.782)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.684.885.286)	(2.805.220.671)
chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.198.926.336)	44.939.195.860
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.038.195.151)	(7.546.424.698)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		365.843.637	1.055.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.435.000.000)	(49.905.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		53.929.000.000	38.690.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.450.000.000)	(1.944.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		554.159.600	29.110.837.049
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.765.494.095	4.116.929.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.691.302.181	13.577.796.733

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.635.730.000	323.810.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(730.340.800)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		127.263.301.899	98.251.287.336
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(128.767.125.087)	(123.545.826.572)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.493.932.707)	(3.768.011.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.092.366.695)	(28.738.740.566)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(23.599.990.850)	29.778.252.027
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		92.517.376.530	41.680.571.665
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.710.123)	29.046.244
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	04	68.909.675.557	71.487.869.936

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 16 tháng 06 năm 2023


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lâm Thiệu Quân
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 04 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.335.910.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến 31/03/2023 là 245,335,910,000 đồng; tương đương 24,533,591 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là: 247 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2022 là: 232 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu đã ký hợp đồng thực hiện dự án của VNG và ghi nhận doanh thu 573 tỷ VND trên tổng giá trị hợp đồng là 614,8 tỷ VND. Điều này dẫn đến doanh thu và giá vốn lần lượt tăng 514,917 tỷ VND và 478,311 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 350,7% và 446,9%) so với kỳ trước.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	TP. Hà Nội	Văn phòng đại diện

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2023 bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	88,98%	88,98%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí, điện máy, máy văn phòng.
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	TP. Hồ Chí Minh	98,80%	98,80%	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; Mua bán thiết bị điện, điện tử
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt, triển khai hệ thống phần mềm tin học; Cung cấp thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	TP. Hồ Chí Minh	50,42%	50,42%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty con gián tiếp				
Công ty Cổ phần In No	TP. Hồ Chí Minh	50,40%	99,96%	Buôn bán thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.
Công ty TNHH Global - Sitem	TP. Hồ Chí Minh	32,15%	63,75%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	TP. Hồ Chí Minh	29,67%	58,17%	Sản xuất phần mềm tin học.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn: Trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion, Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion thì đây là các công ty liên kết của Công ty. Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị các khoản đầu tư trước đây được Công ty đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn;
- Trường hợp công ty mẹ mua lại phần vốn góp từ các chủ sở hữu khác: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi mua lại phần vốn góp.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó, Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	31 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 31 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.15 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước về phí bảo trì.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.24 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.25 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.28 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, lắp đặt và cung cấp dịch vụ phần mềm và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion

Trong giai đoạn từ tháng 05/2022 đến tháng 01/2023, Tập đoàn mua tổng cộng 542.549 cổ phần có tổng mệnh giá là 5.425.490.000 đồng (chiếm 51% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion (gọi tắt là "Larion"). Việc mua cổ phần này được Tập đoàn thực hiện 2 lần; lần đầu mua 45% và lần sau mua thêm 6% cổ phần của Larion. Kết quả Larion từ công ty liên kết (tháng 05/2022) trở thành công ty con của Tập đoàn (từ tháng 01/2023).

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Larion vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

Diễn giải	Giá trị ghi sổ	Các điều chỉnh		Giá trị hợp lý
		VND	VND	
Tài sản				
Tài sản ngắn hạn	50.366.739.688	-		50.366.739.688
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.029.506.594	-		21.029.506.594
Các khoản phải thu ngắn hạn	26.831.825.619	-		26.831.825.619
Tài sản ngắn hạn khác	2.505.407.475	-		2.505.407.475
Tài sản dài hạn	5.011.131.038	-		5.011.131.038
Các khoản phải thu dài hạn	1.238.236.000	-		1.238.236.000
Tài sản cố định	1.619.713.986	-		1.619.713.986
Tài sản dở dang dài hạn	167.650.000	-		167.650.000
Tài sản dài hạn khác	1.985.531.052	-		1.985.531.052
Cộng tài sản	55.377.870.726	-		55.377.870.726
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	25.853.676.685	-		25.853.676.685
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.936.460.554	-		4.936.460.554
Cộng nợ phải trả	30.790.137.239	-		30.790.137.239
Tổng giá trị tài sản thuần	24.587.733.487	-		24.587.733.487
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát				12.047.982.706
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn (51%)				12.539.750.781
Tổng giá phí của khoản đầu tư này				95.468.480.215
Trong đó				
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư 45% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát				77.481.480.215
Giá phí đầu tư thêm 6% vốn chủ sở hữu				17.987.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 16)				82.928.729.434

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
Tiền mặt	873.930.427	574.136.683
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.976.559.447	53.913.733.253
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	30.059.185.683	17.000.000.000
	68.909.675.557	71.487.869.936

(1) Tại ngày 31/03/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 30.059.185.683 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,8%/năm đến 6%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn ⁽²⁾	65.675.000.000	-	84.874.000.000	-
	65.675.000.000	-	84.874.000.000	-

(2) Tại ngày 31/03/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng và có giá trị 65.675.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 8,7%/năm.

Trong đó, một số khoản tiền gửi ngắn hạn có giá trị 28.150.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 22).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	31/03/2023			01/04/2022		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ VND
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	64.92%	25.00%	4,805,554,947	64.92%	25.00%	-
- Công ty Cổ phần Intelnet (*)	30.00%	30.00%	2,355,554,947	0.00%	0.00%	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Gigarion	49.00%	49.00%	2,450,000,000	0.00%	0.00%	-
			4,805,554,947			-

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	- 7,367,100,000	(5,278,000,000)	7,367,100,000	(3,047,000,000)
	- 7,367,100,000	(5,278,000,000)	7,367,100,000	(3,047,000,000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn (*) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 009/2021/NQ-HĐQT-CBTT ngày 17/05/2022 phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Intelnet, Công ty đã thực hiện góp 3.000.000.000 đồng tương ứng với 300.000 cổ phần tương ứng với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giá trị giảm đi của khoản đầu tư từ thời điểm góp vốn đến cuối năm tài chính là 644.445.053 đồng.

Thông tin chi tiết về đơn vị đầu tư khác của Công ty vào ngày 31/03/2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2,00%	2,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên liên quan	VND	VND	VND	VND
	225.070.000	(219.400.000)	219.400.000	(219.400.000)
- Công ty Cổ phần Intelnet	5.670.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	219.400.000	(219.400.000)	219.400.000	(219.400.000)
Bên khác	298.474.298.353	(37.444.142.444)	244.357.097.785	(25.508.863.402)
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	68.599.423.798	(18.867.892.922)	71.140.156.084	(7.626.506.517)
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	10.824.606.370	-	13.614.104.043	-
- Công ty TNHH Hải Linh	25.617.425.319	-	30.320.743.340	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	-	49.184.981.000	-
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	9.007.332.740	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	119.217.365.196	-	-	-
- Khác	65.208.144.930	(18.576.249.522)	80.097.113.318	(17.882.356.885)
	298.699.368.353	(37.663.542.444)	244.576.497.785	(25.728.263.402)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Stulz GmbH	-	-	11.404.063.100	-
- Công ty TNHH Kinden Việt Nam	-	-	24.322.122.306	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Green Mark	-	-	13.545.139.036	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	-	-	5.633.351.174	-
- Trường Cao đẳng Đường sắt	742.153.927	-	742.153.927	-
- Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Ngày Mới	-	-	1.106.434.560	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quốc Việt	647.442.686	(647.442.686)	647.442.686	(647.442.686)
- Công ty TNHH Kỹ thuật Thy An	970.648.251	-	-	-
- Công ty TNHH GSI	617.551.424	-	-	-
- Khác	2.384.976.761	(93.947.650)	15.020.475.673	(139.074.886)
	5.362.773.049	(741.390.336)	72.421.182.462	(786.517.572)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Công nghệ Mạng Sao Kim	-	-	355.000.000	-
	-	-	355.000.000	-
b) Dài hạn				
Công ty TNHH Công nghệ Mạng Sao Kim (*)	60.000.000	-	-	-
	60.000.000	-	-	-

(*) Hợp đồng cho vay tiền số 01.2023/GSC-VENTECH ngày 24/03/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 24/03/2023 đến ngày 23/03/2025;
- + Lãi suất cho vay: 2,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 60.000.000 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	113.400.281	(113.400.281)	113.400.281	(113.400.281)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.754.767.708	-	1.831.151.903	-
- Phải thu về tạm ứng	1.857.538.423	-	2.565.220.947	-
- Ký cược, ký quỹ	1.749.876.349	-	2.514.829.073	-
- Phải thu về chi phí back charge - Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	3.000.000.000	-	-	-
- Phải thu tiền đảm bảo bảo hành công trình - Công ty TNHH SK C&C	-	-	1.177.273.865	-
- Ký quỹ bảo lãnh tạm ứng – Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	-	-	13.105.010.740	-
- Phải thu tiền chuyển nhượng công ty con - Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	-	7.724.619.357	-
- Phải thu tiền cho mượn - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	12.139.884.289	-	-	-
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	5.180.072.411	-	5.200.706.291	-
- Khác	3.020.219.192	(87.791.250)	1.992.601.864	(87.791.250)
	28.815.758.653	(201.191.531)	36.224.814.321	(201.191.531)

PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.273.676.000	-	16.000.000	-
	1.273.676.000	-	16.000.000	-

c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

- Ông Lâm Thiệu Quân	251.627.544	-	-	-
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	138.804.312	-	213.444.169	-
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	68.079.055	-	23.206.839	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	12.139.884.289	-	-	-
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	77.791.250	(77.791.250)	77.791.250	(77.791.250)
	12.676.186.450	(77.791.250)	314.442.258	(77.791.250)

10. NỢ XẤU

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	25.056.341.349	6.188.448.427	8.466.562.797	840.056.280
+ Công ty Cổ phần Máy tính Hoàn Long	2.728.216.314	-	2.728.216.314	-
+ Công ty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	3.092.882.671	-	3.092.882.671	-
+ Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Bằng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
+ Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	297.191.250	-	297.191.250	-
+ Đối tượng khác	7.526.780.281	-	6.991.415.161	113.400.281
	44.794.572.738	6.188.448.427	27.669.429.066	953.456.561

11. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	736.054.638	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.600.691.195	(1.249.176.462)	2.722.851.272	(1.067.786.415)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.109.414.798	(112.798.878)	56.702.325.762	(273.195.677)
Thành phẩm	120.788.156	-	5.405.374.447	(2.625.505.668)
Hàng hoá	20.849.076.373	(8.675.805.020)	12.285.417.724	(5.481.397.203)
	65.416.025.160	(10.037.780.360)	77.115.969.205	(9.447.884.963)

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
Dự án phần mềm kế toán	646.638.000	510.518.000
	646.638.000	510.518.000

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	48,325,949,061	29,286,525,673	8,545,582,307	2,840,652,323	88,998,709,364	
- Mua trong kỳ	-	-	-	173,000,000	173,000,000	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn	399,615,222	11,639,868,551	-	-	12,039,483,773	
- Tặng do hợp nhất BCTC	1,576,176,221	-	1,085,454,545	4,608,539,908	7,270,170,674	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(93,199,781)	(810,057,946)	-	(903,257,727)	
Số dư cuối kỳ	50,301,740,504	40,833,194,443	8,820,978,906	7,622,192,231	107,578,106,084	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	16,190,655,846	18,609,983,599	5,073,963,571	2,426,239,140	42,300,842,156	
- Khấu hao trong kỳ	1,611,699,180	1,766,009,781	816,697,879	368,499,480	4,562,906,320	
- Tặng do hợp nhất BCTC	1,054,705,646	-	135,681,818	3,938,598,649	5,128,986,113	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1,958,547)	(810,057,946)	-	(812,016,493)	
Số dư cuối kỳ	18,857,060,672	20,374,034,833	5,216,285,322	6,733,337,269	51,180,718,096	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu 01/04/2022	32,135,293,215	10,676,542,074	3,471,618,736	414,413,183	46,697,867,208	
Tại ngày cuối 01/04/2022	31,444,679,832	20,459,159,610	3,604,693,584	888,854,962	56,397,387,988	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khc 31,850,939,071 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23,201,403,505 VND.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	24.053.529.245	1.322.300.901	25.375.830.146
- Mua trong kỳ	-	1.326.932.320	1.326.932.320
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	4.050.442.000	4.050.442.000
Số dư cuối kỳ	24.053.529.245	6.699.675.221	30.753.204.466
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	8.798.303.439	868.160.263	9.666.463.702
- Khấu hao trong kỳ	767.665.836	363.339.197	1.131.005.033
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	4.050.442.000	4.050.442.000
Số dư cuối kỳ	9.565.969.275	5.281.941.460	14.847.910.735
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	15.255.225.806	454.140.638	15.709.366.444
Tại ngày cuối kỳ	14.487.559.970	1.417.733.761	15.905.293.731

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145m², thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.487.559.970 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.656.407.337 VND.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2023 VND	01/04/2022 VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	168.226.662	252.405.955
- Chi phí mua bảo hiểm	10.867.642	-
- Các chi phí khác	139.616.806	158.073.590
	318.711.110	410.479.545
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.284.439.684	810.478.214
- Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	545.979.098	569.890.598
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	817.229.438	884.636.969
- Các chi phí khác	43.138.779	70.951.251
	3.690.786.999	2.335.957.032

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	
	VND	
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ		-
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ (Thuyết minh số 3)	82.928.729.434	
Số dư cuối kỳ	<u>82.928.729.434</u>	
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư đầu kỳ		-
- Số phân bổ trong kỳ	2.073.218.236	
- Số dư cuối kỳ	<u>2.073.218.236</u>	
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu kỳ		-
- Tại ngày cuối kỳ	<u>80.855.511.198</u>	

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- ABB Pte. Ltd.	6.345.997.501	6.345.997.501	6.092.050.854	6.092.050.854
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Green Mark	2.593.295.901	2.593.295.901	5.203.762.765	5.203.762.765
- Công ty TNHH Kinden Việt Nam	7.773.611.425	7.773.611.425	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	8.724.209.328	8.724.209.328	-	-
- Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	12.166.666.666	12.166.666.666	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	30.834.040.351	30.834.040.351	30.411.175.225	30.411.175.225
	<u>68.437.821.172</u>	<u>68.437.821.172</u>	<u>41.706.988.844</u>	<u>41.706.988.844</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	9/30/2022	4/1/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	-	59.588.064.723
- Công ty TNHH BOT Thiên Tân Quảng Ngãi	-	3.073.536.424
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	1.927.373.384
- Người mua trả tiền trước khác	12.017.579.806	10.642.340.509
	<u>12.017.579.806</u>	<u>75.231.315.040</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng/Giảm do hợp nhất BCTC	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	1,151,575,026	1,882,324,879	12,657,863,518	11,933,680,322	-	-	1,454,933,049
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	53,032,804	-	53,032,804	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	1,940,814,691	-	2,958,201,460	1,017,386,769	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12,697,838,952	8,179,028,733	18,487,451,248	3,068,170,039	-	5,457,586,476
- Thuế thu nhập cá nhân	-	316,439,722	8,370,978,795	9,116,058,972	1,829,402,401	-	1,400,761,946
- Các loại thuế khác	-	72,000	1,392,022,235	1,392,094,235	-	-	-
	3,145,422,521	14,896,675,553	33,611,127,545	41,946,671,546	4,897,572,440	-	8,313,281,471

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
- Chi phí thi công cho công trình	48.877.214.510	2.216.048.161
- Trích trước chi phí lãi vay	49.402.740	-
- Chi phí VSOP phải trả	-	1.887.892.500
- Trích trước tiền nhận chuyển nhượng cổ phiếu	2.800.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	4.078.900.138	1.118.000.000
	55.805.517.388	5.221.940.661

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.137.278.100	385.445.090
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	318.163.440	568.282.640
- Phải trả KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	789.440.191	433.411.258
- Phải trả tiền mượn các cá nhân	5.764.000.000	5.060.000.000
- Lãi vay phải trả	94.471.094	9.638.145
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.255.201.467	4.257.220.146
	11.358.554.292	10.713.997.279
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	924.717.950	868.717.950
	924.717.950	868.717.950

22. CÁC KHOẢN VAY

	01/04/2022		Trong kỳ		31/03/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	53,295,787,665	53,295,787,665	127,263,301,899	128,497,257,087	52,061,832,477	52,061,832,477
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	8,870,079,403	8,870,079,403	33,861,814,462	22,123,606,355	20,608,287,510	20,608,287,510
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	10,819,509,512	10,819,509,512	64,624,401,800	50,390,366,345	25,053,544,967	25,053,544,967
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	33,606,198,750	33,606,198,750	17,490,775,797	51,096,974,547	-	-
- Ông Nguyễn Ngọc Duy ⁽³⁾	-	-	3,000,000,000	1,200,000,000	1,800,000,000	1,800,000,000
- Nguyễn Hữu Tiến ⁽⁴⁾	-	-	5,550,000,000	950,000,000	4,600,000,000	4,600,000,000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hồng Thuyền	-	-	2,736,309,840	2,736,309,840	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	449,776,000	449,776,000	-	269,868,000	179,908,000	179,908,000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank ⁽⁵⁾	449,776,000	449,776,000	-	269,868,000	179,908,000	179,908,000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
	53,745,563,665	53,745,563,665	127,263,301,899	128,767,125,087	52,241,740,477	52,241,740,477
(*) Các khoản vay Quỹ Xã hội Từ thiện có thời gian đáo hạn trong vòng 01 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất.						
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank ⁽⁵⁾	449,776,000	449,776,000	-	269,868,000	179,908,000	179,908,000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	-	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
	449,776,000	449,776,000	-	269,868,000	179,908,000	179,908,000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(449,776,000)	(449,776,000)	0	(269,868,000)	(179,908,000)	(179,908,000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0001/2375/N-KD/01 ngày 04/01/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng khoản phải thu luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0176/2066/TC-SD2 ký ngày 29/12/2022; Cầm cố tài sản là số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mở tại ngân hàng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 0002/2375/CCDN3 ký ngày 04 tháng 01 năm 2023;
- (2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1303846/HĐTD ngày 03/10/2022, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty.
- (3) Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Ngọc Duy theo Hợp đồng tín dụng số 01-2022/HĐV ngày 27/09/2022, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,5%/tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, không có tài sản đảm bảo.
- (4) Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Hữu Tiến theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023 ngày 06/02/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, không có tài sản bảo đảm.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

- (5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank theo Hợp đồng tín dụng số PHM202013282625/HĐTD ngày 21/12/2020, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ đi lại. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
Tiền nhận trước về dịch vụ bảo trì	156.500.000	477.592.970
	156.500.000	477.592.970

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	13.824.932.125	14.812.194.438
	13.824.932.125	14.812.194.438
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	3.134.590.643	2.052.728.153
- Dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc	366.275.000	746.988.965
	3.500.865.643	2.799.717.118

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Số dư đầu kỳ trước	190,647,980,000	-	(721,880,000)	7,865,072,719	83,349,823,125	57,685,756,839	338,826,752,683		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	22,788,560,000	-	-	-	(22,788,560,000)	-	-		
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	27,682,818,635	30,108,860,337	57,791,678,972		
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	3,102,200,746	(3,806,171,334)	(641,344,394)	(1,345,314,982)		
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	(3,811,269,200)	(3,811,269,200)		
Công ty con hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(728,054,423)	1,396,253,751	6,847,740	675,047,068		
Công ty con tái phát hành cổ phiếu quỹ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(10,747,780)	(31,574,787)	366,132,567	323,810,000		
Mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(595,488,997)	(1,348,511,003)	(1,944,000,000)		
Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp của kỳ trước	-	-	-	-	90,557,054	-	90,557,054		
Số dư cuối kỳ trước	213,436,540,000	4,100,100,000	(721,880,000)	10,228,471,262	85,297,657,447	82,366,472,886	390,607,261,595		
Số dư đầu kỳ này	213,436,540,000	-	(721,880,000)	10,228,471,262	85,297,657,447	82,366,472,886	390,607,261,595		
Lãi trong kỳ báo cáo (header)	0	-	0	0	4,307,947,272	19,387,270,327	23,695,217,599		
Chi trả cổ tức các kỳ trước bằng tiền	0	-	0	0	0	(8,388,931,909)	(8,388,931,909)		
Tạm ứng cổ tức kỳ này bằng tiền	0	-	0	0	0	(16,856,833,808)	(16,856,833,808)		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tại Công ty mẹ ⁽¹⁾	21,263,640,000	-	0	0	(21,263,640,000)	0	0		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tại công ty con	-	4,100,100,000	-	25,534	(4,099,739,282)	(386,252)	0		
Phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) ⁽²⁾	10,635,730,000	-	0	0	0	0	10,635,730,000		
Mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	0	-	0	4,119,298	(25,119,003)	(709,341,095)	(730,340,800)		
Chi thù lao HĐQT	0	-	0	0	(802,246,700)	(788,753,300)	(1,591,000,000)		
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	-	0	0	861,720,405	0	861,720,405		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0	-	0	1,674,442,530	(1,662,205,125)	95,201,725	107,439,130		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	-	0	0	(360,247,937)	(426,537,966)	(786,785,903)		
Tặng do hợp nhất Báo cáo tài chính	0	-	0	(680,447,463)	(4,032,239,279)	21,697,130,002	16,984,443,260		
Giảm do thanh tra thuế	0	-	0	0	(48,900,049)	(103,221,711)	(152,121,760)		
Tặng/Giảm khác	0	-	0	0	(571,588,441)	72,579,167	(499,009,274)		
Số dư cuối kỳ này	245,335,910,000	4,100,100,000	(721,880,000)	11,226,611,161	57,601,399,308	96,344,648,066	413,886,788,535		

Căn cứ vào các Nghị quyết:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm 2022 ngày 30/06/2022 đã quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phần và chương trình ESOP năm 2022.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 004/2022/NQ-HĐQT-CBTT ngày 24/10/2022 về việc triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ năm 2022, trong đó có quyết định về phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và thông qua danh sách cán bộ công nhân viên được quyền mua cổ phiếu phát hành ESOP.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 005/2022/NQ-HĐQT-CBTT ngày 15/12/2022 về việc điều chỉnh phương án tăng vốn điều lệ năm 2022, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 004/2022/NQ-HĐQT-CBTT ngày 24/10/2022, qua đó có quyết định về chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong Công ty và thông qua danh sách cán bộ công nhân viên được quyền mua cổ phiếu phát hành ESOP.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 006/2022/NQ-HĐQT-CBTT ngày 10/01/2023 về việc chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu trả cổ tức và thời gian nhận tiền mua cổ phiếu ESOP, qua đó quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 14/02/2023 và thời gian nộp tiền mua cổ phiếu ESOP là từ ngày 30/01/2023 đến ngày 10/02/2023.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 008/2022/NQ-HĐQT-CBTT ngày 13/02/2023 về việc phương án xử lý số cổ phần cán bộ nhân viên không mua hết trong đợt phát hành cổ phiếu ESOP.

Công ty mẹ đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) với các thông tin cụ thể sau:

(1) Chi tiết về phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.127.146 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành theo tỷ lệ: 2.126.364 cổ phiếu cho 3.542 cổ đông;
- Số cổ phiếu lẻ hủy bỏ theo phương án phát hành: 782 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 21.263.640.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 10:1, cứ 10 cổ phần hiện hữu sẽ nhận thêm 01 cổ phần phát hành mới;
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Thời gian hoàn thành: Ngày 14/02/2023.

(2) Chi tiết về phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP):

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.063.573 cổ phiếu cho 29 người lao động;
- Tỷ lệ phát hành: 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 10.635.730.000 đồng;
- Hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày sở hữu;
- Thời gian hoàn thành: Ngày 18/02/2023;
- Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm 2022 ngày 30/06/2022;
- Phương án sử dụng vốn: Tổ chức phát hành sẽ sử dụng tiền thu được để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc tăng vốn như trên đã được sự chấp thuận từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần 06 ngày 15/03/2023 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 04/04/2023.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	213.436.540.000	190.647.980.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	31.899.370.000	22.788.560.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	245.335.910.000	213.436.540.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	8.388.931.909	3.811.269.200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	16.856.833.808	-

c) Cổ phiếu

	31/03/2023	01/04/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.533.591	21.343.654
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.533.591	21.343.654
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.533.591	21.343.654
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	72.188	72.188
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	72.188	72.188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.461.403	21.271.466
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.461.403	21.271.466
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

d) Các quỹ của công ty

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.226.611.161	10.228.471.262
	11.226.611.161	10.228.471.262

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	31/03/2023	01/04/2022
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	16.469,20	144.095,78
- Đồng Euro (EUR)	3.722,58	4.939,50

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH Hanel CSF	2.094.339.437	2.094.339.437
- Các khách hàng khác	1.710.854.109	678.793.053
	4.056.579.426	3.024.518.370

27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	673.821.723.523	235.255.737.063
Doanh thu bán thành phẩm	1.586.158.000	3.932.844.200
Doanh thu cung cấp dịch vụ	202.896.934.304	94.121.167.637
Doanh thu cho thuê trạm thu phát sóng	-	29.884.504.188
	878.304.815.827	363.194.253.088

28. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	173.162.500	43.563.000
	173.162.500	43.563.000

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	602.399.266.507	154.896.476.805
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.068.844.426	2.387.388.914
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	142.219.802.775	94.463.793.237
Giá vốn cho thuê trạm thu phát sóng	-	17.784.953.721
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	750.292.196	(1.599.691.405)
	746.438.205.904	267.932.921.272

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	4.482.109.900	3.616.189.090
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	383.869.727	219.327.031
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	466.266.255	37.978.175
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	116.753.848	226.611.922
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Lãi chuyển nhượng công ty con	554.159.600	55.570.937.775
	6.003.159.330	59.671.043.993

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.671.780.317	2.718.069.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	725.001.576	612.805.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	8.766.504	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.231.000.000	3.047.000.000
Chi phí tài chính khác	93.996.710	-
	6.730.545.107	6.377.875.228

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	855.521.697	787.038.070
Chi phí nhân công	38.289.394.400	40.913.023.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.016.665	7.807.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.180.191.094	1.743.717.204
Chi phí bán hàng khác	1.173.576.179	1.469.963.859
	42.608.700.035	44.921.550.253

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.367.119.811	842.959.591
Chi phí nhân công	37.324.405.321	25.975.873.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	965.501.170	716.467.122
Chi phí dự phòng	11.354.786.686	(2.940.180.448)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.488.718.274	3.001.595.692
Phân bổ lợi thế thương mại	2.073.218.236	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.143.725.933	5.024.210.651
	63.717.475.431	32.620.925.934

34. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	274.602.403	55.454.545
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.584.148.837	1.661.753.088
Thu nhập khác	631.625.441	602.923.722
	2.490.376.681	2.320.131.355

35. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Xử lý công nợ	208.868.652	-
Các khoản bị phạt	957.174.602	124.574.517
Chi phí khác	428.044.454	107.774.341
	1.594.087.708	232.348.858

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	394.642.098
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	8.055.068.436	15.253.495.677
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.055.068.436	15.648.137.775

37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	204.369.186	685.693.466
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	204.369.186	685.693.466

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/03/2023	01/04/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.239.200.000	2.890.600.000
	3.239.200.000	2.890.600.000

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	481.324.280	(347.772.856)
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	348.600.000	(35.800.000)
	829.924.280	(383.572.856)

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.307.947.272	27.682.818.635
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.307.947.272	27.682.818.635
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	23.589.816	23.470.018
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	183	1.179

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.909.675.557	-	-	68.909.675.557
Phải thu khách hàng, phải thu khác	290.924.069.031	-	-	290.924.069.031
Các khoản cho vay	65.735.000.000	-	-	65.735.000.000
	425.568.744.588	-	-	425.568.744.588

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/04/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.487.869.936	-	-	71.487.869.936
Phải thu khách hàng, phải thu khác	254.887.857.173	-	-	254.887.857.173
Các khoản cho vay	85.229.000.000	-	-	85.229.000.000
	411.604.727.109	-	-	411.604.727.109

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2023				
Vay và nợ	52.241.740.477	-	-	52.241.740.477
Phải trả người bán, phải trả khác	79.796.375.464	924.717.950	-	80.721.093.414
Chi phí phải trả	55.805.517.388	-	-	55.805.517.388
	187.843.633.329	924.717.950	-	188.768.351.279
Tại ngày 01/04/2022				
Vay và nợ	53.745.563.665	-	-	53.745.563.665
Phải trả người bán, phải trả khác	52.420.986.123	868.717.950	-	53.289.704.073
Chi phí phải trả	5.221.940.661	-	-	5.221.940.661
	111.388.490.449	868.717.950	-	112.257.208.399

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	127.263.301.899	98.251.287.336
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	128.767.125.087	123.545.826.572

41. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	<u>Công ty liên kết</u>
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Gigarion	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion - Công ty con của Công ty
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu	Công ty cùng Tập đoàn (từ 31/03/2022 không còn là bên liên quan)
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.900.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	6.900.000	-
Mượn tiền	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	3.000.000.000	-
Trả lại tiền mượn	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	3.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư	5.450.000.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Gigarion	2.450.000.000	-
Cho mượn tiền	400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	400.000.000	-
Thu lại tiền cho mượn	5.846.100.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	400.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	5.446.100.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		6.712.432.700	6.632.935.186
- Ông Lâm Thiệu Quân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.278.804.714	1.802.894.560
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.090.987.612	1.690.417.704
- Bà Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	599.364.000	711.533.146
- Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Giám đốc Tài chính	779.796.234	860.893.206
- Ông Phạm Đức Long	Giám đốc Kỹ thuật	1.114.237.222	1.206.113.236
- Ông Lê Ngọc Thạch	Giám đốc Công nghệ thông tin	911.717.391	-
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	74.358.065	69.416.667
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	62.100.000	57.500.000
- Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên HĐQT	36.900.000	-
- Ông Lưu Đức Khánh	(*)	35.100.000	37.100.000
- Ông Mạc Quang Huy	(*)	42.319.355	37.400.000
- Ông Nguyễn Đức Thắng	(*)	52.974.194	46.366.667
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng Ban Kiểm soát	46.200.000	57.500.000
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc KSNB	549.773.913	36.500.000
- Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát	37.800.000	19.300.000

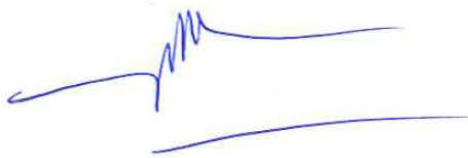
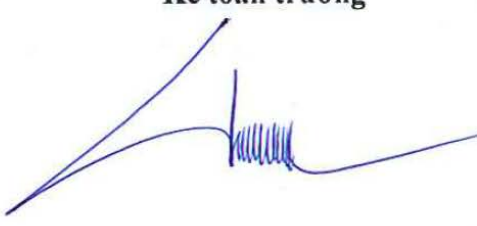

(*) Thành viên HĐQT miễn nhiệm, từ nhiệm trong kỳ này.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Phạm Thị Bích Thảo	Trương Thị Phương Dung	Lâm Thiệu Quân



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP.HCM

Số điện thoại: (028) 3770 1114

Fax: (028) 3770 1116

Website: www.itd.com.vn